

Hướng dẫn sử dụng

Chất lượng, Thiết kế và Đổi mới



[home.liebherr.com/fridge-manuals](http://home.liebherr.com/fridge-manuals)





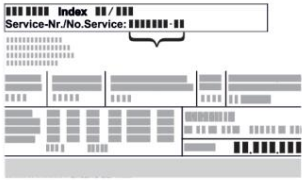




# LIEBHERR

## Nội dung

Tổng quan về thiết bị.....	3
1 Phạm vi giao hàng.....	3
1.1 Tổng quan về thiết bị và dụng cụ.....	3
1.2 Thiết bị thông minh.....	3
1.3 Phạm vi ứng dụng của thiết bị.....	4
1.4 1,5 Sự phù hợp.....	4
1.6 Các chất SVHC theo Quy định REACH.....	4
1.7 Ngân hàng dữ liệu EPREL.....	4
1.8 Linh kiện thay thế.....	5
2 Hư ớng dẫn an toàn chung.....	5
3 Màn hình cảm ứng và vuốt hoạt động như thế nào.....	6
3.1 Điều hư ớng và giải thích các ký hiệu.....	6
3.2 Thực đơn.....	7
3.3 Chế độ ngủ.....	7
4 Vận hành.....	7
4.1 Bật thiết bị (sử dụng lần đầu).....	7
5 Lưu trữ.....	8
5.1 Hư ớng dẫn bảo quản.....	8
5.2 Bàn phím thảo lưu trữ.....	8
6 Tiết kiệm năng lượng.....	12
Hoạt động.....	12
7 Các thành phần điều khiển và hiển thị.....	12
7.1 Hiển thị trạng thái.....	12
7.1.1 Hiển thị ký hiệu.....	13
7.1.2 Tín hiệu âm thanh.....	13
Chức năng của thiết bị.....	13
7.1.3 Ghi chú về chức năng của thiết bị.....	13
7.2 Bật và tắt thiết bị.....	13
7.2.1 WLAN.....	14
7.2.2 Nhiệt độ.....	14
7.2.3 Đơn vị nhiệt độ.....	15
7.2.4 Chế độ ngày Sa-bát.....	15
7.2.5 Độ ẩm.....	15
7.2.6 Chiếu sáng trình bày.....	16
7.2.7 Độ sáng màn hình.....	16
7.2.8 Báo động cửa.....	17
7.2.9 Báo động đèn.....	17
7.2.10 Âm thanh báo động.....	17
7.2.11 Âm thanh chính.....	18
7.2.12 Hiển thị-Sperre.....	18
7.2.13 Mã truy cập.....	18
7.2.14 Ngôn ngữ.....	20
7.2.15 Thông tin thiết bị.....	20
7.2.16 Phần mềm.....	20
7.2.17 Nhắc nhở.....	21
7.2.18 Chế độ demo.....	21
7.2.19 Khôi phục cài đặt gốc.....	22
Tin nhắn.....	22
7.2.20 Cảnh báo.....	22
7.2.21 7.3 7.3.1 7.3.2.....	23
8 Thiết bị.....	23
8.1 Khóa an toàn.....	23
8.2 Nhãn.....	24
8.3 Hộp đựng nú ớc.....	24
9 Bảo trì.....	25
9.1 Trao đổi không khí thông qua bộ lọc than hoạt tính FreshAir.....	25
9.2 Vệ sinh thiết bị.....	25
10 Hỗ trợ khách hàng.....	26
10.1 Dữ liệu kỹ thuật.....	26
10.2 Tiếng ồn khi vận hành.....	26
10.3 Sự cố kỹ thuật.....	27
10.4 Dịch vụ khách hàng.....	28
10.5 Biển số xe.....	28
11 Thảo đồ.....	28
12 Xử lý.....	29

12.1 Chuẩn bị thiết bị để xử lý.....	29
12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường.....	29

Nhà sản xuất liên tục làm việc để phát triển hơn nữa phát triển tất cả các loại và mô hình. Vì vậy, xin vui lòng hiểu rằng chúng ta đang đối mặt với những thay đổi về hình thức, Thiết bị và công nghệ phải đợc giữ lại.

Giải thích biểu tượng	
	<p>Đọc hư ớng dẫn</p> <p>Để biết tất cả các lợi thế của thiết bị mới của bạn- Để tìm hiểu thêm, vui lòng đọc hư ớng dẫn trong này Đọc kỹ hư ớng dẫn.</p>
	<p>Thông tin bổ sung trên Internet</p> <p>Sổ tay kỹ thuật số có thông tin bổ sung thông tin và bằng các ngôn ngữ khác Bạn có thể tìm thấy nó trên internet bằng cách sử dụng mã QR trên Mặt trư ớc của hư ớng dẫn hoặc thông qua đầu vào số dịch vụ tại <a href="http://home.liebherr.com/">home.liebherr.com/</a> hư ớng dẫn sử dụng tủ lạnh.</p> <p>Số dịch vụ có thể đợc tìm thấy trên loại đầu hiệu:</p>  <p>Hình. Ví dụ minh họa</p>
	<p>Kiểm tra thiết bị</p> <p>Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Nếu bạn có bất kỳ khiếu nại nào, vui lòng liên hệ đại lý hoặc dịch vụ khách hàng.</p>
	<p>Độ lệch</p> <p>Các hư ớng dẫn có hiệu lực đối với một số mô hình, Có thể có sự sai lệch. Các phần mà chỉ áp dụng cho một số thiết bị nhất định, đợc đánh dấu bằng dấu hoa thị (*).</p>
	<p>Hư ớng dẫn và kết quả hành động yêu tinh</p> <p>Hư ớng dẫn đợc đánh dấu bằng dấu .</p> <p>Kết quả hành động đợc đánh dấu bằng dấu .</p>
	<p>Video</p> <p>Video về các thiết bị có sẵn trên kênh YouTube của Liebherr Home Appliances.</p>

Giấy phép nguồn mở:

Thiết bị này chứa các thành phần phần mềm sử dụng giấy phép nguồn mở. Thông tin đợc sử dụng

Bạn có thể tìm thấy giấy phép nguồn mở tại đây:

[home.liebherr.com/open-source-licences](http://home.liebherr.com/open-source-licences)

Hư ớng dẫn sử dụng này áp dụng cho:

WP.. 50.. / 52.. / 74..
WS.. 52..

## 1 thiết bị trong máy mát

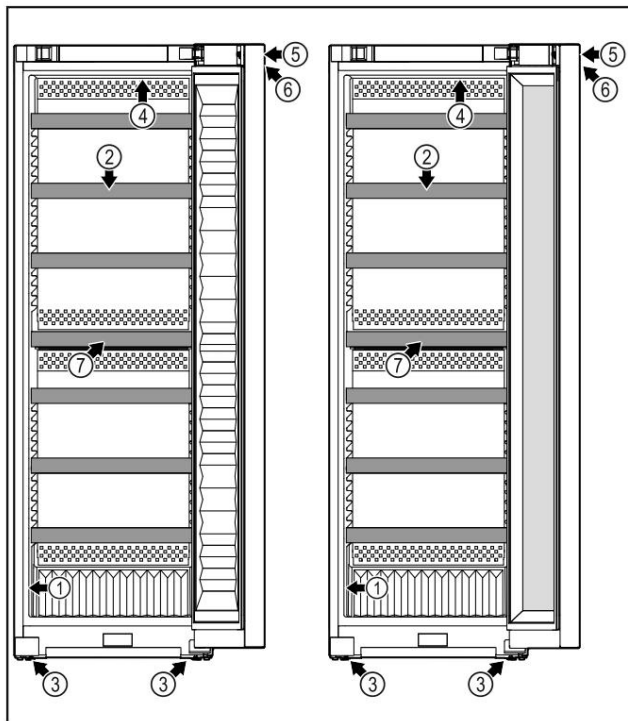
### 1.1 Phạm vi giao hàng

Kiểm tra tất cả các bộ phận xem có bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển không. Vui lòng liên hệ Trong trường hợp khiếu nại, hãy liên hệ với đại lý hoặc bộ phận chăm sóc khách hàng dịch vụ. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Việc giao hàng bao gồm các phần sau:

- Thiết bị đặt trên sàn
- Trang thiết bị (tùy theo model)
- Vật liệu lắp đặt (tùy theo mẫu)
- „Hư ớng dẫn bắt đầu nhanh“
- „Hư ớng dẫn cài đặt“\*
- Tờ rơi dịch vụ

### 1.2 Tổng quan về thiết bị và tính năng



Hình 1 WP.. 5052 / 5252 WS.. 5252

(1) Biển tên (5) Khóa

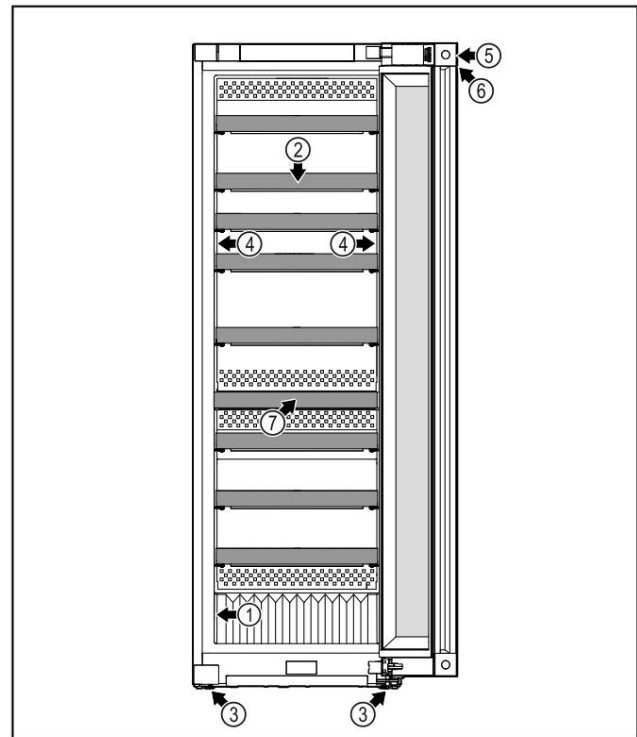
(2) Lưới gỗ (6) Các bộ phận điều khiển và

(3) Chân có thể điều chỉnh

Hiển thị nhiệt độ

(7) Bộ lọc than hoạt tính

(4) Chiếu sáng nội thất



Hình 2 WP.. 5272 / 7472 / 5262 / W5270

(1) Biển tên (5) Khóa

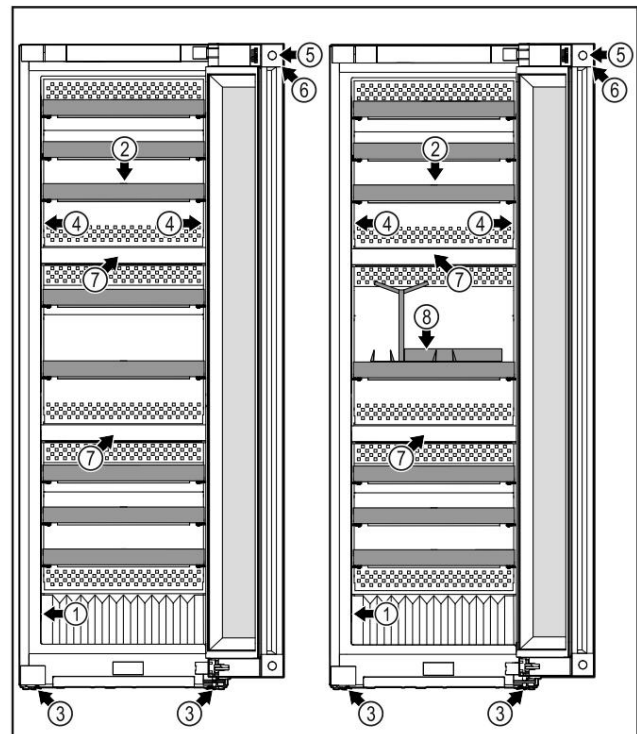
(2) Lưới gỗ (6) Các bộ phận điều khiển và

(3) Chân có thể điều chỉnh

Hiển thị nhiệt độ

(7) Bộ lọc than hoạt tính

(4) Chiếu sáng nội thất



Hình 3 WP.. 5273 / 7473 WP.. 5283 / 7483 / Wgb7470

(1) Biển tên (5) Khóa

(2) Lưới gỗ (6) Các bộ phận điều khiển và

(3) Chân có thể điều chỉnh

Hiển thị nhiệt độ

(7) Bộ lọc than hoạt tính

(4) Chiếu sáng nội thất

(8) Bộ Sommelier\*

### 1.3 Thiết bị thông minh

SmartDevice là giải pháp mạng cho thiết bị rượu vang của bạn.

## Thiết bị trong nháy mắt

Nếu thiết bị của bạn được hỗ trợ SmartDevice hoặc đã sẵn sàng hỗ trợ tính năng này, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào mạng Wi-Fi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Với ứng dụng SmartDevice, bạn có thể điều khiển thiết bị của mình từ thiết bị di động. Các chức năng bổ sung và tùy chọn cài đặt có sẵn trong ứng dụng SmartDevice.

Thiết bị hỗ trợ  
SmartDevice:

Thiết bị của bạn được hỗ trợ SmartDevice. Để kết nối thiết bị của bạn với Wi-Fi, bạn cần tải xuống ứng dụng SmartDevice.



Thông tin thêm về  
SmartDevice:

[smartdevice.liebherr.com](http://smartdevice.liebherr.com)

Tải xuống ứng dụng  
SmartDevice:



Sau khi cài đặt và cấu hình ứng dụng SmartDevice, bạn có thể tích hợp thiết bị của mình vào mạng Wi-Fi bằng ứng dụng SmartDevice và chức năng thiết bị Wi-Fi (xem 7.2.3 Wi-Fi).

Lưu ý

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

#### 1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị

Mục đích sử dụng Thiết bị này chỉ phù hợp để

bảo quản rượu vang trong môi trường gia đình hoặc hộ gia đình. Ví dụ, điều này bao gồm việc sử dụng - trong bếp của nhân viên, cơ sở lưu trú, - bởi khách ở nhà nghỉ, khách sạn, nhà

nghỉ ven đường và các nơi lưu trú khác, - trong dịch vụ ăn uống và các dịch vụ tư vấn tự nguyện trong ngành bán buôn.

Thiết bị này không thích hợp để đông lạnh thực phẩm.

Thiết bị này không được thiết kế để sử dụng như một thiết bị tích hợp.

Mọi hình thức nộp đơn khác đều không được phép.

Việc sử dụng sai mục đích có thể lưu ý

trước Các ứng dụng sau đây bị nghiêm cấm: - Lưu trữ và làm mát thuốc,

huyết tương, chế phẩm xét nghiệm hoặc các sản phẩm tương tự được quy định trong Chỉ thị về thiết bị y tế

2007/47/EC - Sử dụng trong môi trường có khả năng nổ Việc sử dụng thiết bị

không đúng cách có thể làm hỏng hàng hóa được lưu trữ hoặc làm hỏng chúng.

Các loại khí hậu

Tùy thuộc vào loại khí hậu, thiết bị được thiết kế để hoạt động ở nhiệt độ môi trường hạn chế. Cấp độ khí hậu áp dụng cho thiết bị của bạn được in trên bảng đánh giá.

Lưu ý Để

đảm bảo hoạt động bình thường, hãy tuân thủ nhiệt độ môi trường được chỉ định.

Lớp khí hậu cho nhiệt độ môi trường xung quanh	
SN	10 °C đến 32 °C
N	16 °C đến 32 °C
ST	16 °C đến 38 °C
T	16 °C đến 43 °C
SN-ST	10 °C đến 38 °C
SN-T	10 °C đến 43 °C

#### 1.5 Sự phù hợp

Mạch làm lạnh được kiểm tra xem có rò rỉ không. Thiết bị tuân thủ các quy định và hướng dẫn về an toàn có liên quan.

Đối với thị trường EU: Thiết bị tuân thủ Chỉ thị 2014/53/EU.

Đối với thị trường Vương quốc Anh: Thiết bị này tuân thủ Quy định về thiết bị vô tuyến năm 2017 SI 2017 số 1206.

Toàn văn tuyên bố về sự phù hợp của EU có sẵn tại địa chỉ internet sau: [www.liebherr.com](http://www.liebherr.com)

Do thiếu hướng dẫn về hiệu quả năng lượng cho tủ làm mát rượu vang, tủ làm mát rượu vang được phân loại là tủ làm mát hầm rượu theo phân loại hiệu quả năng lượng.

#### 1.6 Các chất SVHC theo Quy định REACH

Bạn có thể kiểm tra xem thiết bị của bạn có chứa chất SVHC theo quy định REACH hay không tại [home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/](http://home.liebherr.com/de/deu/de/liebherr-erleben/) chứa:

[tính bền vững/môi trường/scip/scip.html](http://tinh-ben-vung/moi-truong/scip/scip.html)

#### 1.7 EPREL-Ngân hàng dữ liệu

Từ ngày 1 tháng 3 năm 2021, thông tin về yêu cầu dán nhãn năng lượng và thiết kế sinh thái có thể được tìm thấy trong Cơ sở dữ liệu sản phẩm Châu Âu (EPREL). Bạn có thể truy cập cơ sở dữ liệu sản phẩm theo liên kết sau <https://eprel.ec.europa.eu/>. Ở đây bạn sẽ được yêu cầu nhập ID mẫu. Có thể tìm thấy mã số model trên tấm nhãn.

## Hướng dẫn an toàn chung

### 1.8 Phụ tùng thay thế

Thời gian cung cấp phụ tùng thay thế cho các bộ phận chức năng và các bộ phận có thể lưu trữ của thiết bị là 15 năm.

### 2 Hướng dẫn an toàn chung Vui lòng cất giữ hướng dẫn sử dụng này

ở nơi an toàn để bạn có thể tham khảo bất cứ lúc nào.

Nếu bạn chuyển giao thiết bị, vui lòng chuyển cả hướng dẫn sử dụng cho chủ sở hữu tiếp theo.

Để sử dụng thiết bị đúng cách và an toàn, vui lòng đọc kỹ hướng dẫn trước khi sử dụng. Luôn tuân theo các hướng dẫn, thông tin an toàn và cảnh báo có trong đó. Chúng rất quan trọng để bạn có thể lắp đặt và vận hành thiết bị một cách an toàn và chính xác.

Nguy hiểm cho người sử dụng: - Trẻ em

và những người có khả năng thể chất, giác quan hoặc tinh thần hạn chế hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức đều có thể sử dụng thiết bị này nếu họ được giám sát hoặc được hướng dẫn về cách sử dụng thiết bị an toàn và hiểu được những nguy hiểm có thể xảy ra.

### Trẻ em không được phép chơi với thiết bị này.

Trẻ em không được phép tự ý vệ sinh và bảo trì thiết bị nếu không có sự giám sát. Trẻ em từ 3-8 tuổi được phép lắp và tháo thiết bị. Trẻ em dưới 3 tuổi phải tránh xa thiết bị này trừ khi được giám sát liên tục.

- Ổ cắm phải dễ tiếp cận để có thể nhanh chóng ngắt thiết bị khỏi nguồn điện trong trường hợp khẩn cấp. Nó phải được đặt ở bên ngoài mặt sau của thiết bị.

- Khi ngắt thiết bị khỏi nguồn điện, hãy luôn cầm phích cắm. Không kéo cáp.

- Trong trường hợp có lỗi, hãy rút phích cắm điện hoặc tắt cầu chì.

- Không làm hỏng dây nguồn. Không sử dụng thiết bị khi cáp nguồn bị lỗi.

- Việc sửa chữa và can thiệp vào thiết bị chỉ có thể được thực hiện bởi bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc các bên khác

để các chuyên gia được đào tạo thực hiện.

- Chỉ lắp ráp, kết nối và tháo bỏ thiết bị theo đúng hướng dẫn.

Nguy cơ cháy nổ: -

Chất làm lạnh chứa trong đó (thông tin trên nhãn sản phẩm) thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Chất làm lạnh thoát ra có thể gây cháy. • Không làm hỏng đường ống của hệ thống làm lạnh. • Không xử lý nguồn gây cháy

bên trong thiết bị. • Không sử dụng bất kỳ thiết bị điện nào bên trong thiết bị (ví dụ: máy vệ sinh bằng hơi nước, máy sưởi, máy làm kem, v.v.).

• Nếu chất làm lạnh rò rỉ: Loại bỏ mọi ngọn lửa trần hoặc nguồn đánh lửa gần nơi rò rỉ. Thông gió tốt cho căn phòng. Thông báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng.

- Không sử dụng các chất nổ hoặc bình xịt có chứa chất đẩy dễ cháy như: B.

Lưu trữ butan, propan, pentan, v.v. trong thiết bị. Có thể nhận biết các bình xịt tương ứng bằng thông tin nội dung được in hoặc biểu tượng ngọn lửa. Bất kỳ khí nào thoát ra cũng có thể gây cháy các bộ phận điện.

- Để nền, đèn và các vật dụng có ngọn lửa khác tránh xa thiết bị để tránh chúng gây cháy thiết bị.

- Chỉ bảo quản đồ uống có cồn hoặc các vật chứa chứa cồn khác trong các hộp đậy kín. Bất kỳ chất cồn nào thoát ra đều có thể làm cháy các bộ phận điện.

Nguy cơ ngã và lật đổ: - Không sử dụng

đế, ngăn kéo, cửa, v.v. làm bậc thang hoặc để hỗ trợ. Điều này đặc biệt đúng với trẻ em.

Nguy cơ ngộ độc thực phẩm: - Không ăn thực phẩm đã hết hạn sử dụng.

Nguy cơ tê cóng, tê liệt và đau: - Tránh tiếp xúc da trong thời gian dài với bề mặt lạnh

hoặc hàng hóa đông lạnh/lạnh hoặc thực hiện các biện pháp bảo vệ, ví dụ như: B. Sử dụng găng tay.

Nguy cơ thụ động tích và thiệt hại: - Hơi nước nóng có thể gây thụ động tích.

Không sử dụng bất kỳ hệ thống sưởi ấm bằng điện hoặc

## Màn hình cảm ứng và vuốt hoạt động như thế nào

Không sử dụng máy làm sạch bằng hơi nước, ngọn lửa trần hoặc bình xịt rửa đồng.

- Không dùng vật sắc nhọn để lấy đá ra.

Nguy cơ đè bẹp: -

Không chạm vào bản lề khi mở và đóng cửa. Ngón tay có thể bị kẹt.

Các ký hiệu trên thiết bị:



Biểu tượng có thể nằm trên máy nén. Thuật ngữ này đề cập đến dầu trong máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm sau: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.

Thông tin này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không có nguy hiểm nào xảy ra trong quá trình hoạt động bình thường.



Biểu tượng này nằm trên máy nén và chỉ ra mối nguy hiểm của các chất dễ cháy. Không gỡ bỏ nhãn dán.



Nhãn dán này hoặc nhãn dán tự động có thể nằm ở mặt sau của thiết bị. Điều này cho biết rằng các tấm cách nhiệt chân không (VIP) hoặc tấm đá trân châu được lắp ở cửa và/hoặc vỏ máy. Thông tin này chỉ liên quan đến việc tái chế. Không gỡ bỏ nhãn dán.

Xin lưu ý các cảnh báo và thông tin cụ thể khác trong các chức năng khác:

	SỰ NGUY HIỂM	Chỉ ra một tình huống nguy hiểm sắp xảy ra, nếu không tránh được sẽ dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.
	CẢNH BÁO biểu thị	một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.
	THẬN TRỌNG chỉ ra	một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc trung bình.
	THẬN TRỌNG chỉ ra	một tình huống nguy hiểm, nếu không tránh được có thể dẫn đến thiệt hại về tài sản.
	Để ý	chỉ ra những gợi ý và mẹo hữu ích.

## 3 Hoạt động của

### Màn hình cảm ứng và vuốt

Bạn sử dụng thiết bị của mình bằng màn hình cảm ứng và vuốt. Với màn hình Cảm ứng & Vuốt (sau đây gọi là màn hình), bạn có thể chọn chức năng của thiết bị bằng cách chạm hoặc vuốt. Nếu bạn không thực hiện bất kỳ hành động nào trên màn hình trong 10 giây, màn hình sẽ trở về menu chính hoặc trực tiếp về màn hình trạng thái.

#### 3.1 Điều hướng và giải thích các ký hiệu

Các hình minh họa sử dụng nhiều ký hiệu khác nhau để điều hướng màn hình. Bảng sau đây mô tả các ký hiệu này.

Biểu tượng	Sự miêu tả
	Chạm nhẹ vào màn hình: bật/tắt chức năng. Xác nhận lựa chọn. Mở menu phụ.
	Chạm vào màn hình trong thời gian chỉ định (ví dụ: 3 giây):  Kích hoạt/hủy kích hoạt một chức năng hoặc giá trị.
	Vuốt sang phải hoặc trái: Điều hướng menu.
	Chạm nhẹ vào biểu tượng quay lại: Quay lại một cấp menu.
	Chạm vào biểu tượng quay lại trong 3 giây:  Trở lại màn hình hiển thị trạng thái.
	Chạm nhẹ vào biểu tượng quay lại ở góc trên bên trái:  Quay lại một cấp menu.
	Mũi tên có đồng hồ:  Phải mất hơn 10 giây để màn hình hiển thị sau xuất hiện.
	Mũi tên chỉ thời gian: Phải mất thời gian chỉ định cho đến khi màn hình hiển thị như sau.
	Biểu tượng Mở Menu Cài đặt: Điều hướng đến menu Cài đặt và mở menu Cài đặt.  Nếu cần: Điều hướng đến chức năng mong muốn trong menu cài đặt. (xem 3.2.1 Mở menu cài đặt)



# kho

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Ngôn ngữ đã được thiết lập.



Hình 9 Hiển thị trạng thái  
Thiết bị sẵn sàng sử dụng ngay khi nhiệt độ hiển thị trên màn hình. Màn hình hiển thị nhiệt độ sẽ nhấp nháy cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt.

## 5 Lưu trữ

### 5.1 Hướng dẫn bảo quản



#### CẢNH BÁO

Nguy cơ hỏa hoạn  
Không sử dụng các thiết bị điện trong khu vực chế biến thực phẩm của thiết bị trừ khi được nhà sản xuất khuyến cáo.

#### Lưu ý Mức

tiêu thụ năng lượng tăng và hiệu suất làm mát giảm nếu thông gió không đủ. u Luôn giữ cho lỗ thông gió thông thoáng.

Thực hiện theo các hướng dẫn bảo quản sau đây: - Bảo

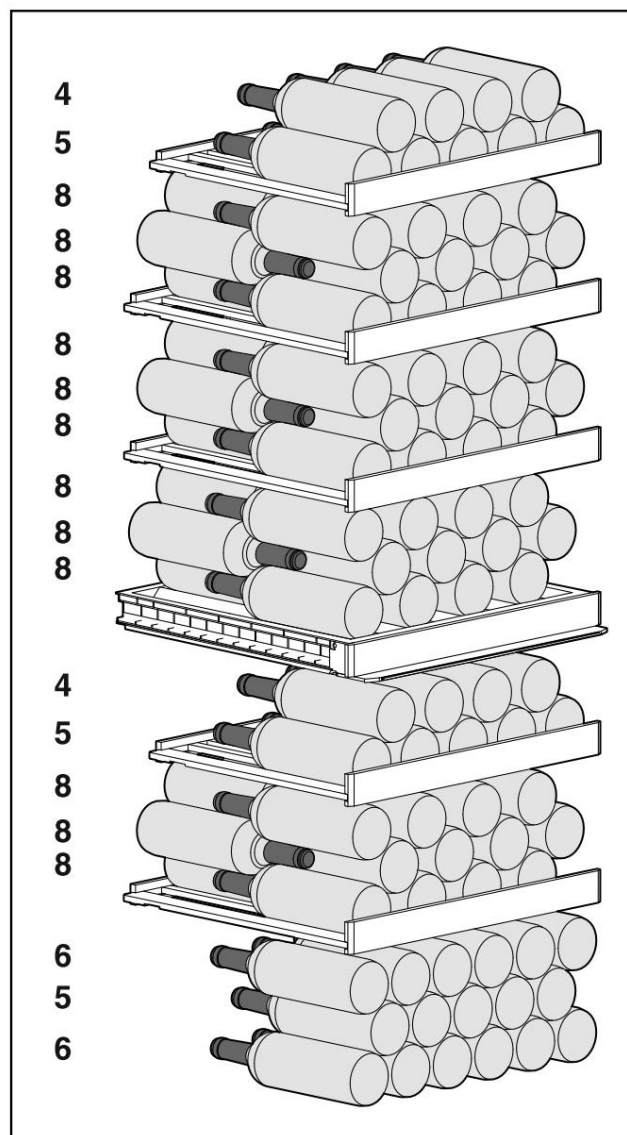
quản chất lỏng trong bình chứa kín.

- Di chuyển khu vực lưu trữ theo độ cao yêu cầu.

- Quan sát tải trọng tối đa. (xem 10.1 Kỹ thuật Dữ liệu)

## 5.2 Bản phác thảo lưu trữ

### 5.2.1 WP.. 5052

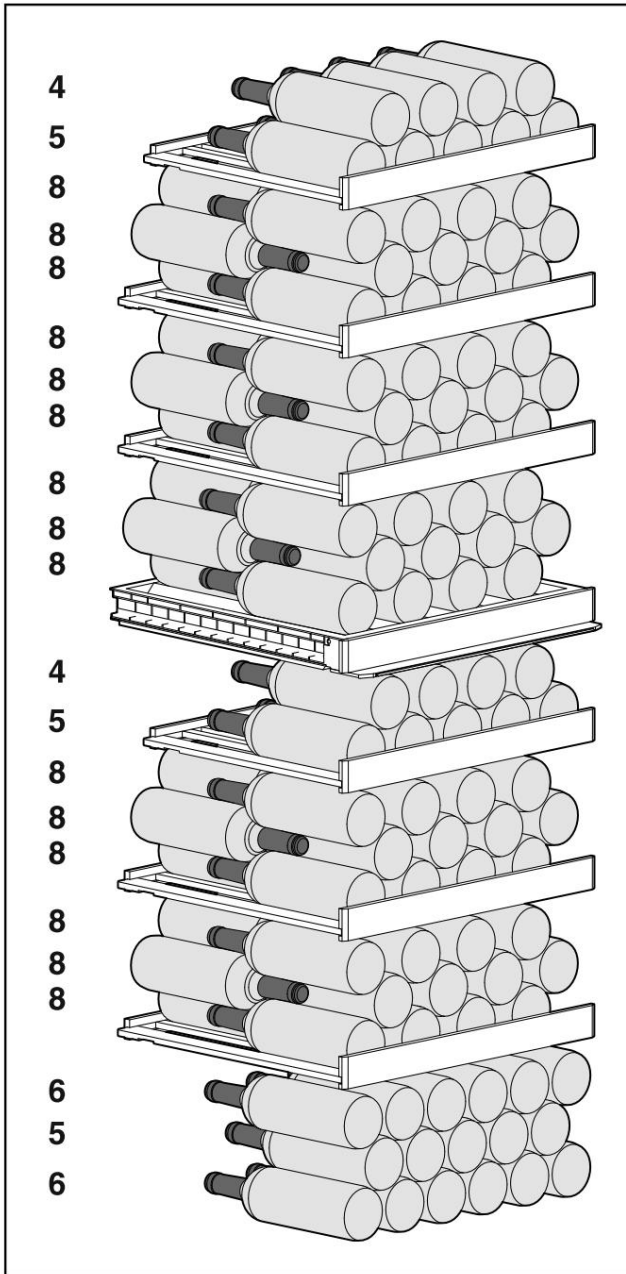


Hình 10 Tổng cộng 131 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)

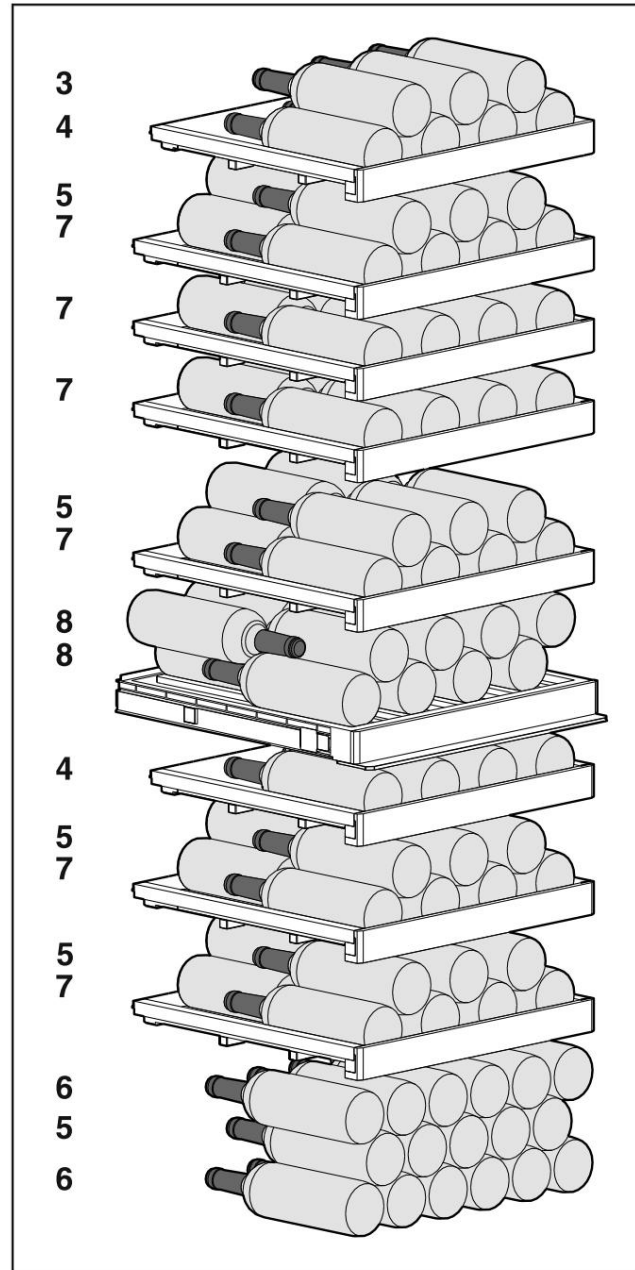


5.2.2 WP.. / WS.. 5252

5.2.3 WP..5272 / WP..5262 / W5270



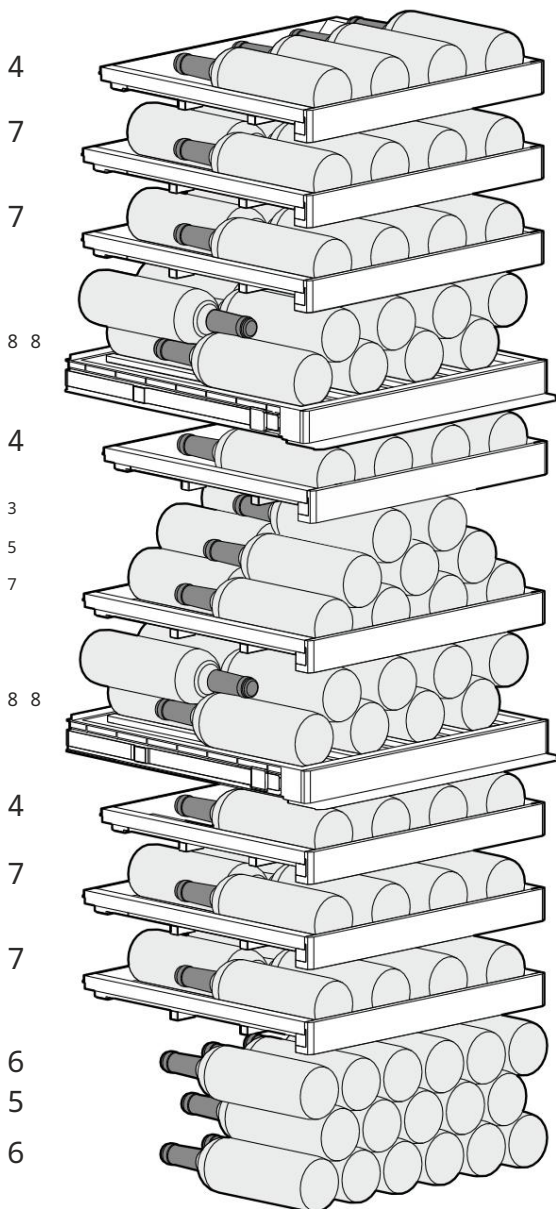
Hình 11 Tổng cộng 155 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)



Hình 12 Tổng cộng 106 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)

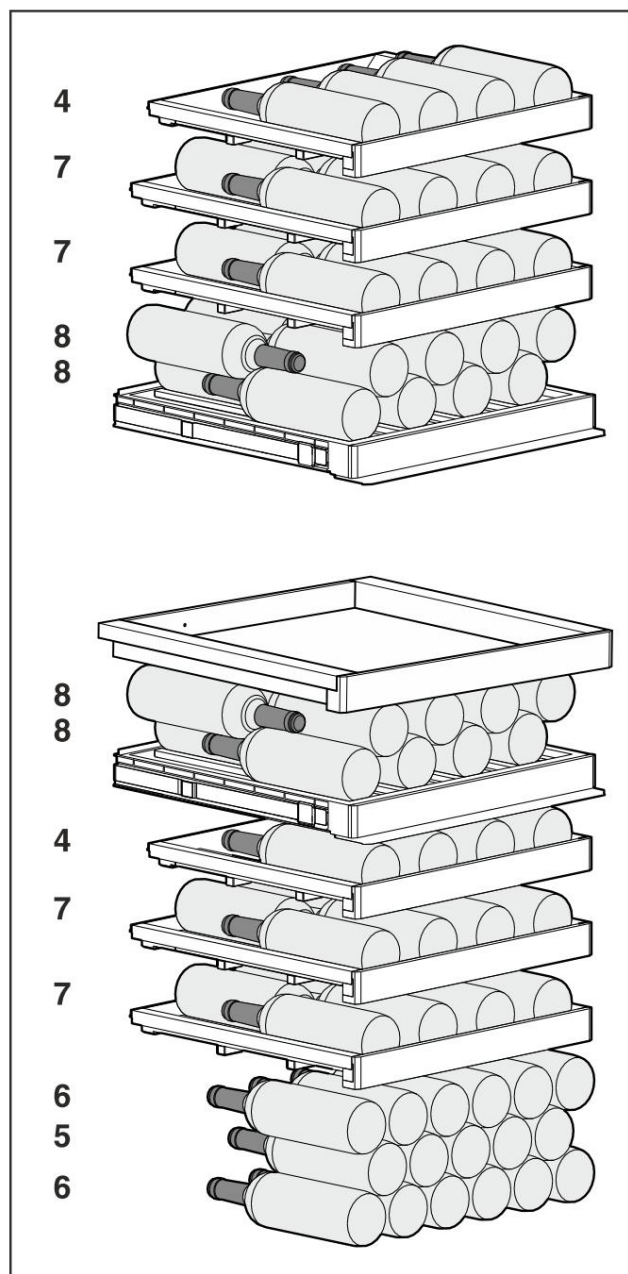
# kho

5.2.4 WP.. 5273



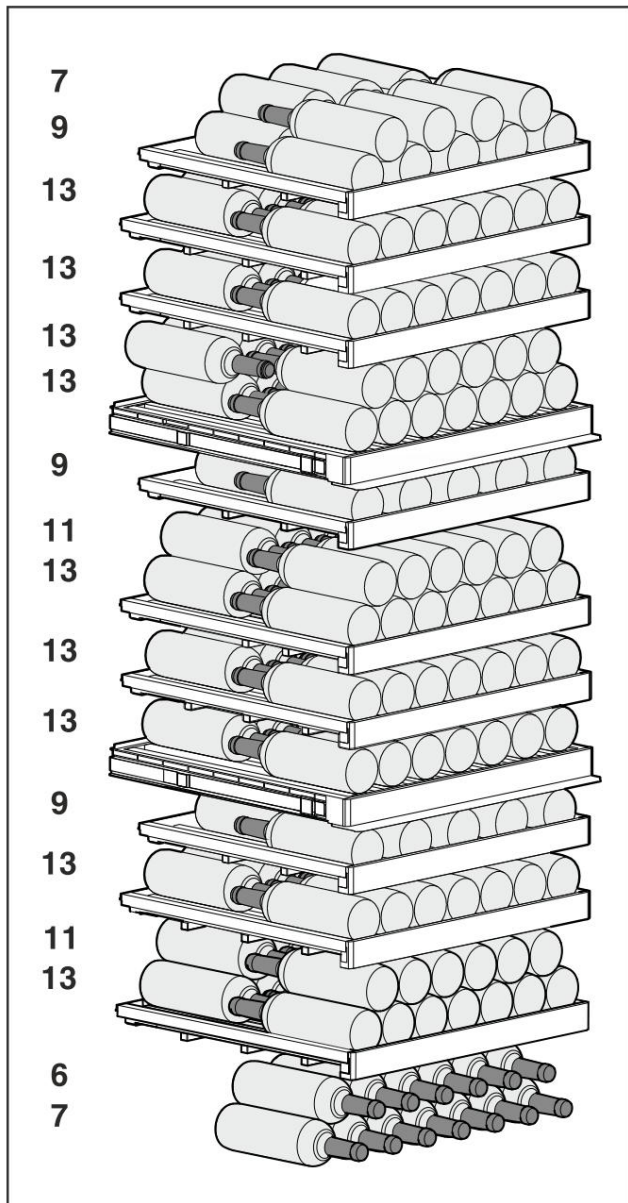
Hình 13 Tổng cộng 104 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)

5.2.5 WP.. 5283



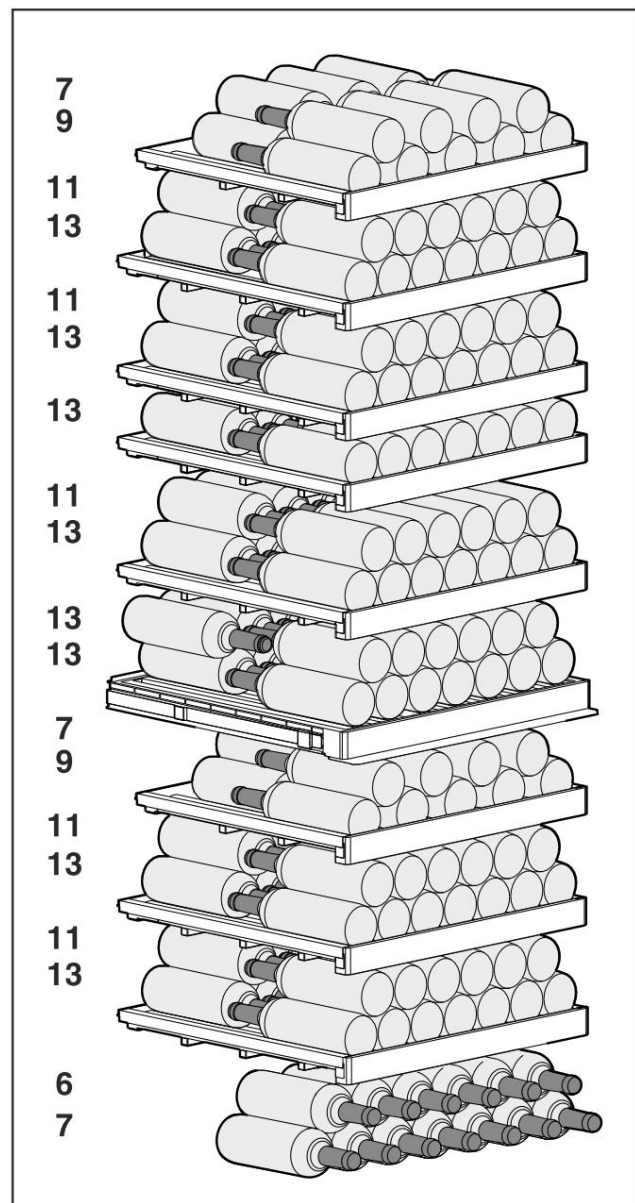
Hình 14 Tổng cộng 85 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)

5.2.6 WP.. 7473



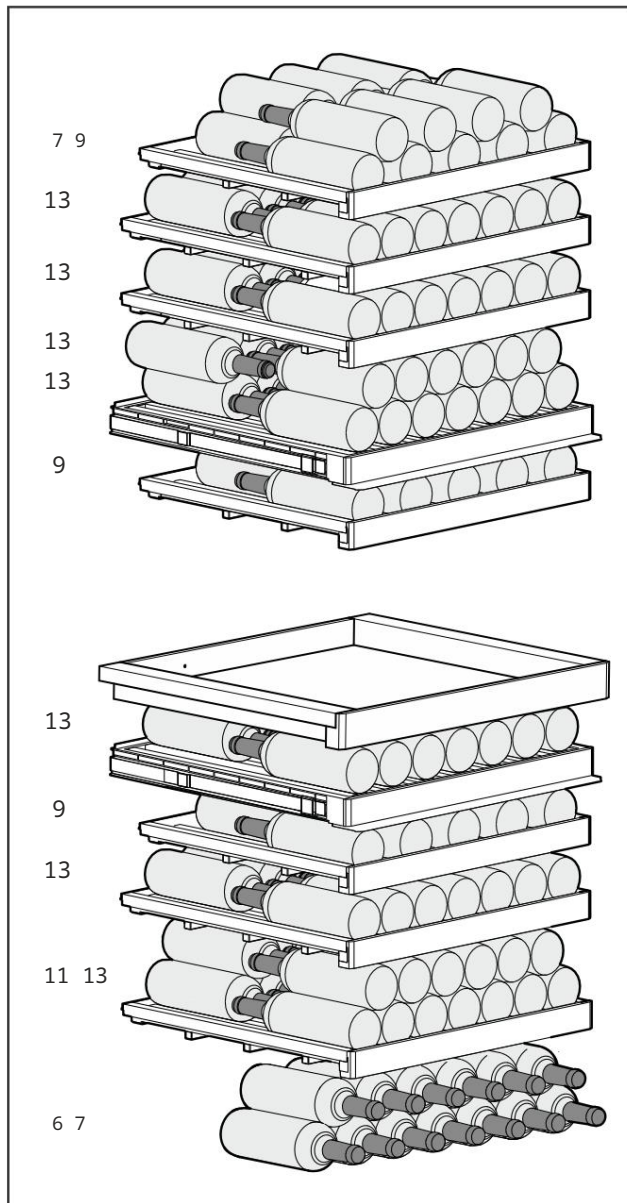
Hình 15 Tổng cộng 182 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)

5.2.7 WP.. 7472



Hình 16 Tổng cộng 204 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)

5.2.8 WP.. 7483 / Wgb7470



Hình 17 Tổng cộng 149 chai (cho chai Bordeaux 0,75 l)

## 6 Tiết kiệm năng lượng

- Luôn đảm bảo thông gió tốt. Không che các lỗ thông gió hoặc lưu ý thông gió.
- Luôn giữ lỗ thông gió của quạt thông thoáng.
- Không đặt thiết bị dư nhiệt ánh sáng mặt trời trực tiếp hoặc gần lò sưởi hoặc thiết bị tự động.
- Nếu bạn đặt thiết bị ngay cạnh lò nướng, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng nhẹ. Điều này phụ thuộc vào thời gian và cường độ sử dụng lò nướng.
- Mức tiêu thụ năng lượng phụ thuộc vào điều kiện lắp đặt, ví dụ: nhiệt độ môi trường xung quanh (xem 1.4 Phạm vi ứng dụng của thiết bị). Ở nhiệt độ môi trường ấm hơn, mức tiêu thụ năng lượng có thể tăng lên.
- Mở thiết bị trong thời gian ngắn nhất có thể.
- Nhiệt độ cài đặt càng thấp thì mức tiêu thụ điện năng càng cao.

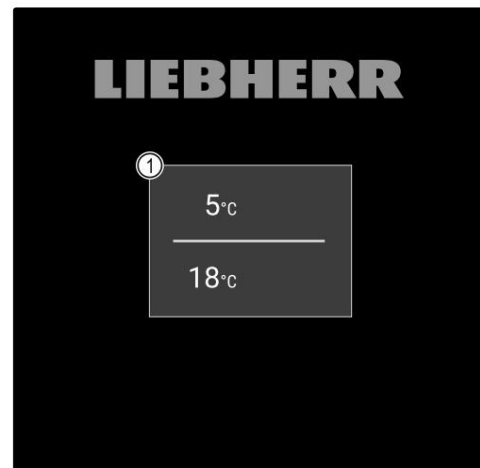
## 7 Hoạt động

### 7.1 Các thành phần điều khiển và hiển thị Màn hình

cung cấp cái nhìn tổng quan nhanh về trạng thái hiện tại của thiết bị, cài đặt nhiệt độ, trạng thái chức năng và cài đặt cũng như thông báo cảnh báo và lỗi.

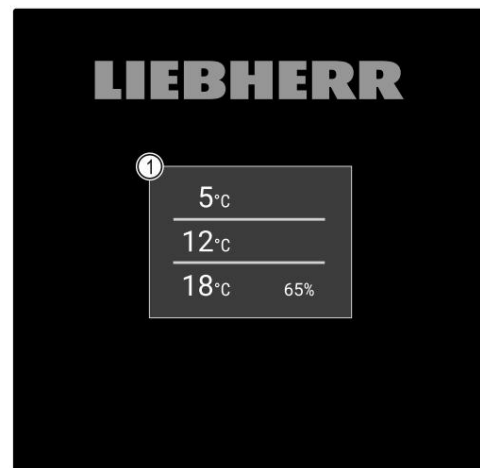
Thiết bị được vận hành trực tiếp trên màn hình cảm ứng bằng cách vuốt và chạm.

Có thể kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng và thay đổi các giá trị cài đặt.



Hình 18 Màn hình cảm ứng và vuốt\* (1)

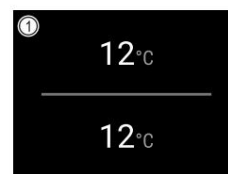
Trạng thái



Hình 19 Màn hình cảm ứng và vuốt\* (1)

Trạng thái

#### 7.1.1 Hiển thị trạng thái



Hình 20 Hiển thị trạng thái\*


(1) Nhiệt độ

Màn hình trạng thái là màn hình ban đầu.

Từ màn hình hiển thị trạng thái, bạn có thể điều chỉnh đến các chức năng và cài đặt.

### 7.1.2 Hiện thị ký hiệu

Các biểu tượng hiển thị cung cấp thông tin về trạng thái hiện tại của thiết bị.

Biểu tượng	Trạng thái thiết bị
	Biểu tượng chờ Thiết bị đã tắt.
	Biểu tượng chờ (nhấp nháy) Thiết bị khởi động.
	Nhiệt độ (nhấp nháy) Nhiệt độ mục tiêu vẫn chưa đạt được. Thiết bị sẽ nguội đến nhiệt độ cài đặt.
	Chỉ báo trạng thái (trắng) được phác thảo Thiết bị đã bị khóa.
	D trên màn hình Thiết bị đang ở chế độ demo.
	Hướng dẫn sử dụng (màu vàng) Cánh cửa bị khóa được mở bằng tay.
	Biểu tượng lỗi (màu đỏ) Thiết bị đang ở trạng thái lỗi.
	Nền (màu xanh) Cài đặt hoạt động hoặc chức năng hoạt động
	Thanh (tăng dần) Nhấn trong 3 giây để kích hoạt cài đặt.
	Thanh (giảm dần) Nhấn trong 3 giây để hủy kích hoạt cài đặt.

Biểu tượng hiển thị trạng thái

### 7.1.3 Tín hiệu âm thanh

Tín hiệu sẽ phát ra trong các trường hợp sau:

- Khi một hàm hoặc giá trị được xác nhận.
- Nếu một chức năng hoặc giá trị không được kích hoạt có thể được bật hoặc tắt.
- Ngay khi xảy ra lỗi.
- Trong trường hợp có tín hiệu báo động.

Âm báo thức có thể được bật hoặc tắt trong menu khách hàng.

## 7.2 Chức năng của thiết bị

### 7.2.1 Ghi chú về chức năng của thiết bị

Các chức năng của thiết bị được thiết lập tại nhà máy để thiết bị của bạn hoạt động đầy đủ chức năng.

Trước khi thay đổi, kích hoạt hoặc hủy kích hoạt các chức năng của thiết bị, hãy đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Bạn đã đọc và hiểu mô tả về cách thức hoạt động của màn

hình. (xem mục 3 Cách thức hoạt động của màn hình cảm ứng và vuốt) q Bạn đã làm quen với các nút điều khiển và thành phần hiển thị của thiết bị.

(xem 7.1 Các thành phần điều khiển và hiển thị)

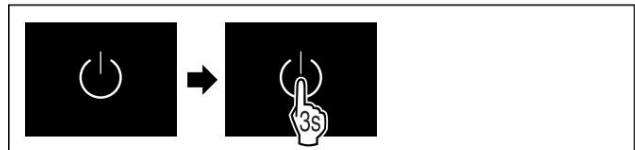


### 7.2.2 Bật và tắt thiết bị

Chức năng này cho phép bạn bật và tắt toàn bộ thiết bị.

Bật thiết bị

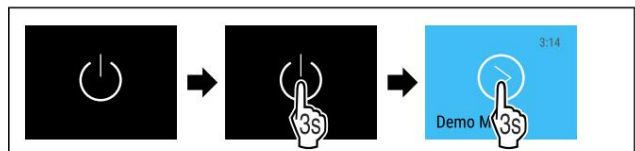
Nếu không kích hoạt chế độ demo:



Hình 21

Thực hiện các bước như trong hình minh họa.

Khi chế độ demo được kích hoạt:



Hình 22

Thực hiện các bước như trong hình minh họa.

Lưu ý:

Tắt chế độ demo trước khi thời gian đếm ngược kết thúc.



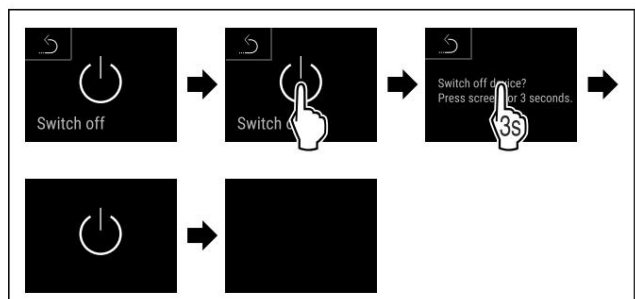
Hình 24 Màn hình hiển thị

trạng thái w Màn hình hiển thị nhiệt độ.

Tắt thiết bị



Hình 25



Hình 26

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Màn hình hiển thị biểu tượng chế độ chờ. Màn hình sẽ tắt sau khoảng 10 phút.

7.2.3 Mạng WLAN 

Sử dụng chức năng này để kết nối thiết bị của bạn với mạng Wi-Fi.  
 Sau đó, bạn có thể vận hành nó thông qua ứng dụng SmartDevice trên thiết bị di động.  
 Bạn cũng có thể sử dụng chức năng này để ngắt kết nối hoặc thiết lập lại kết nối Wi-Fi.

Thông tin thêm về SmartDevice: (xem 1.3 SmartDevice)

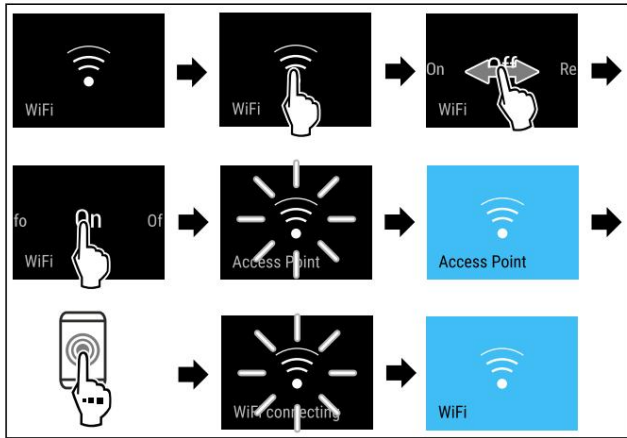
Lưu ý

Chức năng SmartDevice không khả dụng ở các quốc gia sau: Nga, Belarus, Kazakhstan.

Thiết lập kết nối Wi-Fi lần đầu tiên Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Ứng dụng SmartDevice đã được cài đặt (xem [apps.home.liebherr.com](http://apps.home.liebherr.com)). q Đăng ký trên ứng dụng SmartDevice đã hoàn tất.



Hình 27



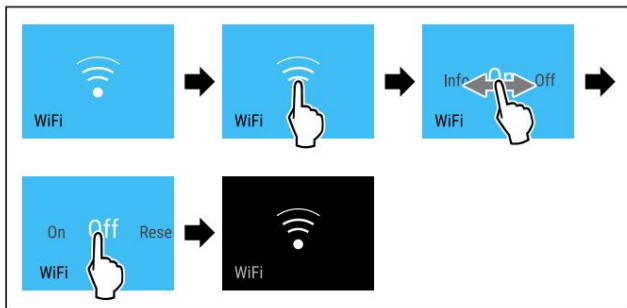
Hình 28

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Kết nối đã được thiết lập.

Ngắt kết nối Wi-Fi



Hình 29



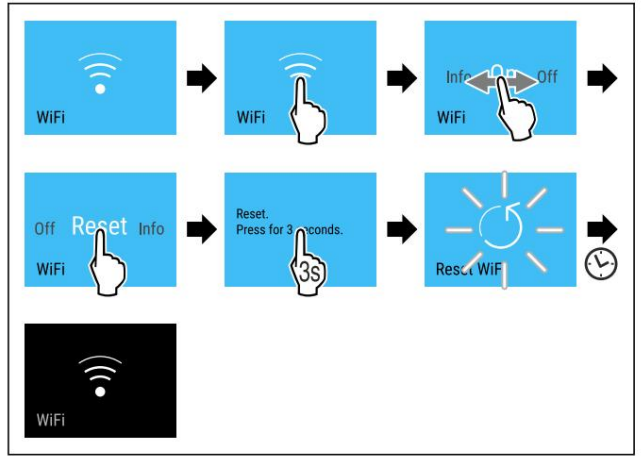
Hình 30

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Kết nối đã bị ngắt.

Đặt lại kết nối Wi-Fi



Hình 31



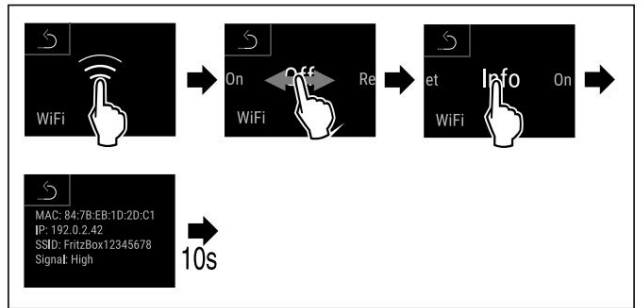
Hình 32

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Kết nối WLAN và các cài đặt WLAN khác được khôi phục về cài đặt gốc.

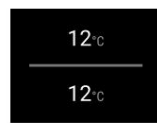
Xem thông tin kết nối Wi-Fi



Hình 33




Hình 34



Hình 35 Hiển thị trạng thái

Thực hiện các bước như trong hình minh họa.

7.2.4 Nhiệt độ  Nhiệt độ phụ

thuộc vào các yếu tố sau: - tần suất mở cửa - thời gian mở cửa - nhiệt độ phòng tại vị trí lắp đặt - loại, nhiệt độ và số lượng hàng hóa được làm lạnh

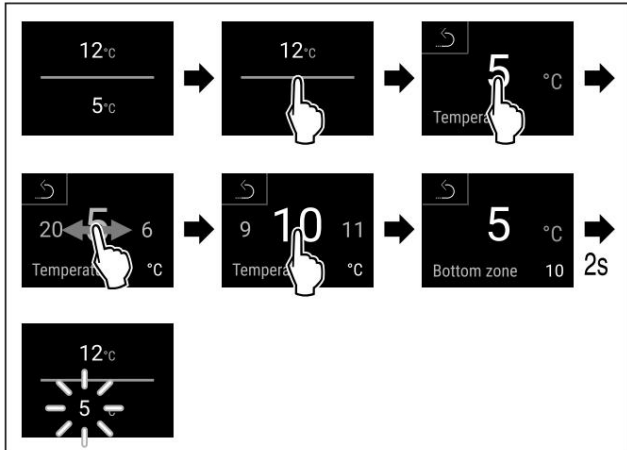
Lưu ý: Ở

một số khu vực bên trong, nhiệt độ không khí có thể khác với nhiệt độ hiển thị.

Với nhiệt độ phù hợp, thực phẩm đông lạnh sẽ để được lâu hơn. Nhờ đó có thể tránh được lãng phí không cần thiết.

Cài đặt nhiệt độ Các bước

sau đây mô tả cách tăng nhiệt độ từ 5 °C lên 10 °C chẳng hạn. u Chạm vào nhiệt độ của vùng mong muốn.



Hình 36 \*

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Nhiệt độ đã được thiết lập.



### 7.2.5 Đơn vị nhiệt độ

Sử dụng chức năng này để cài đặt đơn vị nhiệt độ. Bạn có thể đặt độ C hoặc độ F làm đơn vị nhiệt độ.

Đặt đơn vị nhiệt độ



Hình 37

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Đơn vị nhiệt độ đã được thiết lập.



### 7.2.6 Chế độ ngày Sa-bát

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt SabbathMode. Nếu bạn kích hoạt chức năng này, một số chức năng điện tử sẽ bị tắt. Điều này có nghĩa là thiết bị của bạn đáp ứng các yêu cầu tôn giáo của các ngày lễ Do Thái như: B. vào ngày Shabbat và tuân thủ chứng nhận STAR-K Kosher.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Màn hình trạng thái luôn hiển thị chế độ SabbathMode.
Tất cả các chức năng trên màn hình ngoại trừ chức năng hủy kích hoạt SabbathMode đều bị khóa.
Các chức năng đang hoạt động vẫn đang hoạt động.
Màn hình vẫn sáng khi bạn đóng cửa.
Hệ thống chiếu sáng bên trong đã bị vô hiệu hóa.
Lời nhắc nhở không được thực hiện. Khoảng thời gian đã đặt sẽ bị tạm dừng.

Trạng thái thiết bị khi SabbathMode đang hoạt động
Lời nhắc và cảnh báo không được hiển thị.
Không có báo động cửa.
Không có báo động nhiệt độ.
Sau khi mất điện, thiết bị sẽ trở về chế độ Sabbath.

Trạng thái thiết bị

Lưu ý

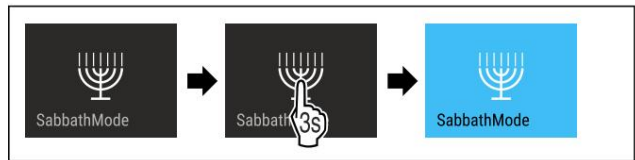
Thiết bị này đã được chứng nhận bởi Viện Khoa học và Halacha. ([www.machonhalacha.co.il](http://www.machonhalacha.co.il))

Bạn có thể tìm thấy danh sách các thiết bị được chứng nhận STAR-K tại [www.star-k.org/appliances](http://www.star-k.org/appliances).

Kích hoạt chế độ ngày Sa-bát



Hình 39



Hình 40

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w SabbathMode được kích hoạt. w Màn hình trạng thái luôn hiển thị chế độ SabbathMode.

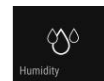
Tắt chế độ ngày Sa-bát

Chế độ ngày Sa-bát sẽ tự động bị vô hiệu hóa sau 80 giờ. Tuy nhiên, bạn cũng có thể hủy kích hoạt SabbathMode theo cách thủ công bất cứ lúc nào:



Hình 41

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w SabbathMode đã bị vô hiệu hóa. w Cửa tự động khóa.



### 7.2.7 Độ ẩm

Sử dụng chức năng này để điều chỉnh độ ẩm bên trong thiết bị của bạn. Nếu bạn thiết lập độ ẩm phù hợp, điều này sẽ có tác động tích cực đến cấu trúc của nút bần trong quá trình bảo quản lâu dài và ngăn chúng bị khô.

Lưu ý Tần

suất và thời gian mở cửa ảnh hưởng đến độ ẩm trong thiết bị.

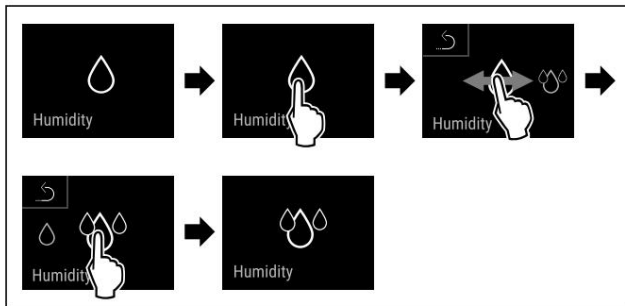
Bạn có thể chọn giữa hai chế độ độ ẩm:

chức năng Độ ẩmChọn	Cài đặt nhiệt độ trên thiết bị	Ứng dụng/Tiêu thụ năng lượng
Tiêu chuẩn (mặc định)	10-12 °C	Độ ẩm môi trường trung bình từ 50-80%  phần dư ời Tiêu thụ năng lượng của thiết bị
Cao	10-12 °C	Độ ẩm môi trường trung bình < 50%  Tiêu thụ năng lượng của thiết bị tăng lên

Tăng độ ẩm trong thiết bị



Hình 42



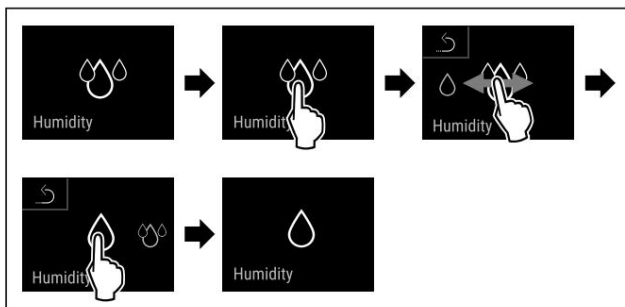
Hình 43

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Độ ẩm trong thiết bị tăng lên.

Đặt độ ẩm trong thiết bị ở mức tiêu chuẩn



Hình 44



Hình 45

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Độ ẩm trong thiết bị giảm xuống.



### 7.2.8 Đèn trình bày

Cài đặt này cho phép điều chỉnh ánh sáng trình bày theo từng giai đoạn.

Có thể thiết lập các mức độ sáng sau:

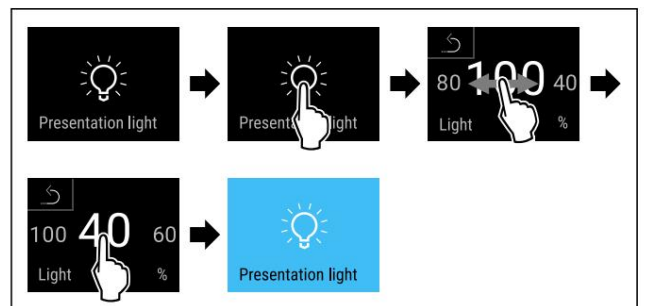
- Ra khỏi
- 20%
- 40%
- 60%
- 80%
- 100% (mặc định)

Điều chỉnh ánh sáng trình bày

Các bước sau đây mô tả cách giảm độ sáng của đèn trình chiếu từ 100% xuống 40%.



Hình 46



Hình 47

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Độ sáng của đèn trình bày sẽ thay đổi từ 100% xuống 40%.



### 7.2.9 Độ sáng màn hình

Sử dụng chức năng này để điều chỉnh độ sáng của màn hình theo từng bước.

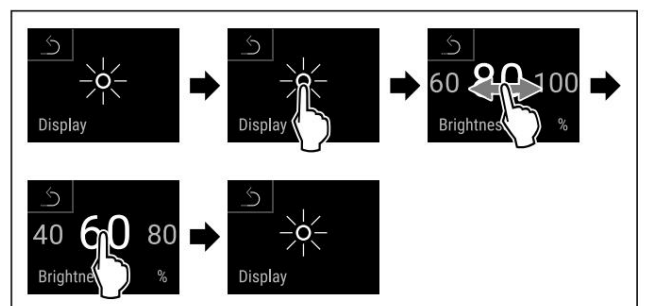
Bạn có thể cài đặt các mức độ sáng sau:

- 20%
- 40%
- 60%
- 80%
- 100% (mặc định)

Điều chỉnh độ sáng



Hình 48





Hình 49 Ví dụ: Thay đổi từ 80% thành 60%.

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Độ sáng đã được thiết lập.



7.2.10 Báo động cửa

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt báo động cửa. Chuông báo động cửa sẽ kêu nếu cửa mở quá lâu. Chuông báo động cửa sẽ được kích hoạt khi giao hàng. Bạn có thể cài đặt thời gian cửa có thể mở trước khi chuông báo cửa kêu.

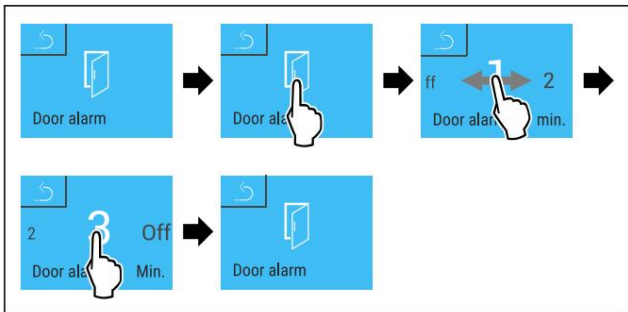
Bạn có thể thiết lập các giá trị sau:

- 1 phút
- 2 phút
- 3 phút
- Ra khỏi

Đặt báo động cửa



Hình 50



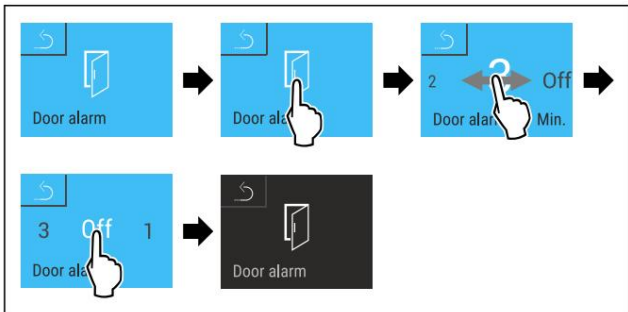
Hình 51 Ví dụ: Thay đổi báo động cửa từ 1 phút thành 3 phút. u Thực hiện các bước như trong hình

minh họa. w Báo động cửa đã được cài đặt.

Tắt báo động cửa



Hình 53



Hình 54

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Báo động cửa đã bị vô hiệu hóa.



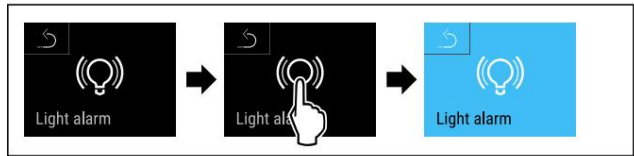
7.2.11 Báo động ánh sáng

Thiết lập này cho phép các thông báo cảnh báo trực quan trên màn hình được làm nổi bật thêm bằng đèn nhấp nháy của thiết bị.

Kích hoạt báo động ánh sáng



Hình 55



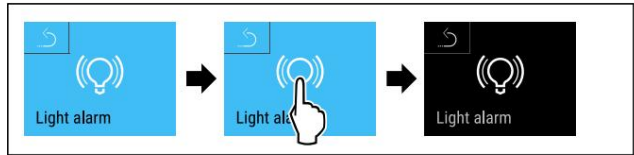
Hình 56

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Đèn báo động được kích hoạt.

Tắt báo động đèn



Hình 57



Hình 58

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Đèn báo động đã bị vô hiệu hóa.



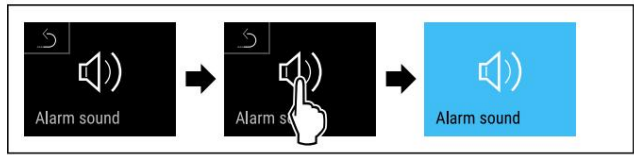
7.2.12 Âm thanh báo động

Chức năng này cho phép bạn bật và tắt tất cả âm thanh báo động, chẳng hạn như báo động cửa.

Kích hoạt âm thanh báo động



Hình 59



Hình 60

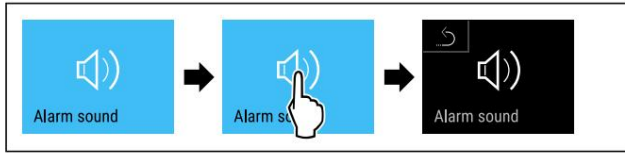
u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Âm thanh báo động được kích hoạt.

Tắt âm thanh báo động



Hình 61

# Hoạt động



Hình 62

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Âm thanh báo động đã bị tắt.



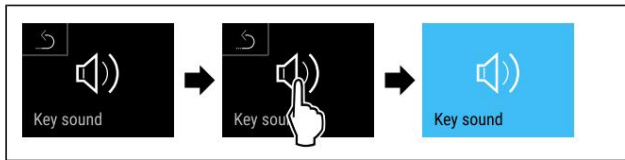
## 7.2.13 Âm thanh chính

Chức năng này cho phép bạn bật hoặc tắt tất cả âm báo phím, âm báo xác nhận và âm báo khởi động.

Kích hoạt âm thanh phím



Hình 63



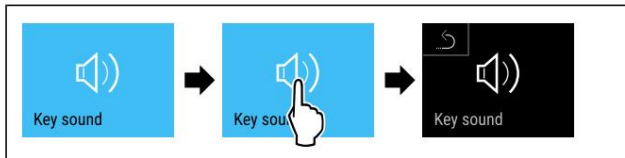
Hình 64

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Âm thanh phím đã được kích hoạt.

Tắt âm thanh phím



Hình 65



Hình 66

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Âm thanh phím đã bị tắt.



## 7.2.14 Hiện thị-Sperre

Cài đặt này ngăn chặn việc vô tình sử dụng thiết bị.

Ứng dụng: -

Tránh những thay đổi không mong muốn đối với cài đặt và chức năng.

- Tránh tắt thiết bị một cách vô tình.
- Tránh điều chỉnh nhiệt độ một cách vô tình.

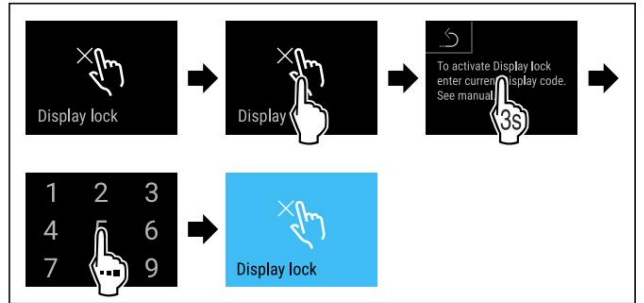
Lưu ý:

Khóa cửa có thể được mở và khóa bất cứ lúc nào bằng mã PIN (xem 7.2.15 Mã truy cập), ngay cả khi khóa màn hình được kích hoạt.

Kích hoạt khóa màn hình



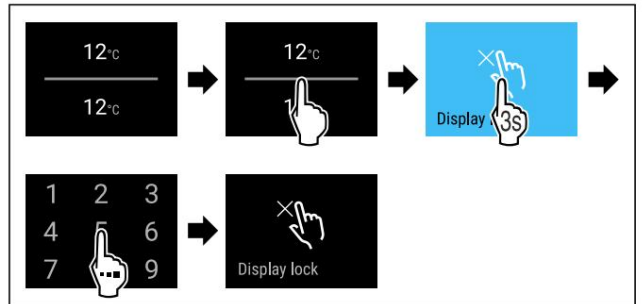
Hình 67



Hình 68

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Khóa màn hình đã được kích hoạt. Màn hình trạng thái sẽ xuất hiện.

Mở khóa màn hình tạm thời



Hình 69 \*

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Khóa màn hình đã bị vô hiệu hóa. Màn hình trạng thái sẽ xuất hiện.

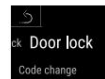
## 7.2.15 Mã truy cập

Có thể có nhiều cài đặt khác nhau.

Ứng dụng: -

Thay đổi mã số cửa.

- Thiết lập lại mã cửa.
- Thay đổi mã khóa màn hình.
- Đặt lại mã khóa màn hình.



Mã cửa

Thay đổi mã cửa Cài

đặt này cho phép bạn thay đổi mã cửa của khóa cửa.

Việc cài đặt được thực hiện theo 3

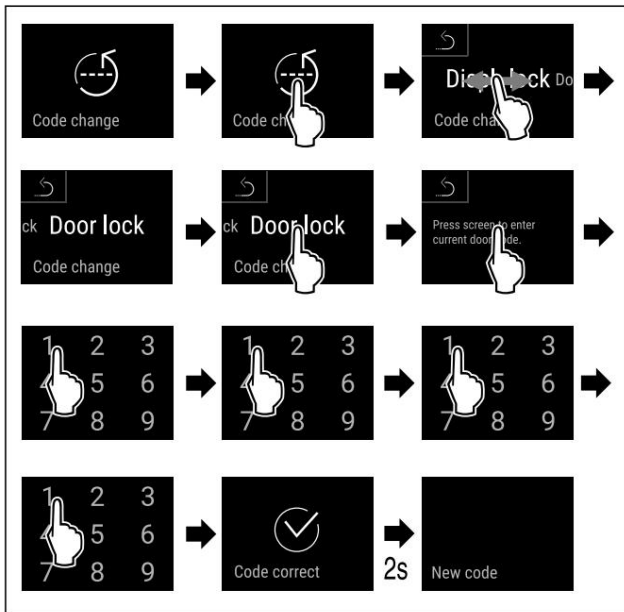
bước: - Nhập mã cửa cũ - Nhập mã cửa mới - Xác nhận mã cửa mới

Lưu ý

Trong ví dụ sau, mã cửa được cài đặt sẵn tại nhà máy là 1 1 1 1 đã bị thay đổi. Mã cửa mới là: 2 3 4 5

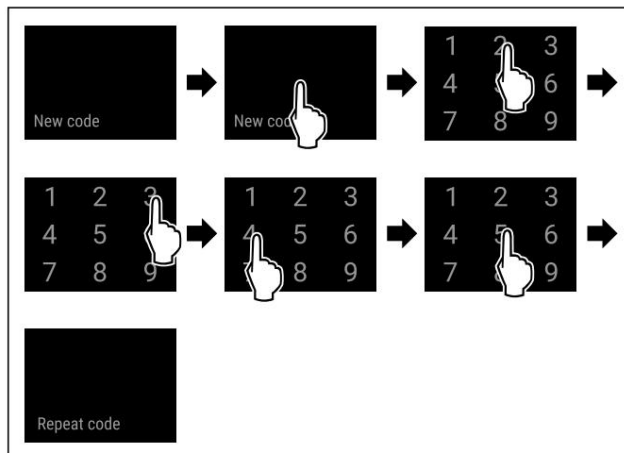


Hình 70



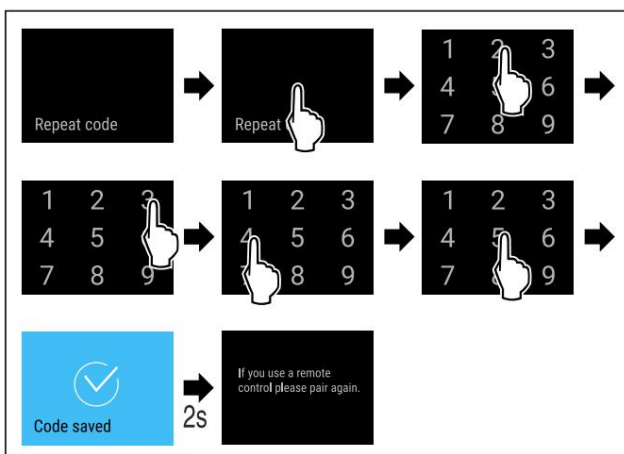
Hình 71

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Nhập mã cửa cũ thành công.



Hình 72

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Mã cửa mới đã được nhập thành công.



Hình 73

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Xác nhận mã cửa mới thành công. w Mã cửa đã được thay đổi.

Đặt lại mã cửa

Mã cửa bị quên hoặc không biết. u Khôi phục cài đặt gốc cho thiết bị. (xem 7.2.21 Khôi phục cài đặt gốc) w Thiết bị được khôi phục cài đặt gốc. w Mã cửa được cài đặt tại nhà máy là: 1 1 1



Hiện thị

Thay đổi mã khóa màn hình Cài

đặt này cho phép bạn thay đổi mã khóa màn hình.

Việc thiết lập được thực hiện theo 3 bước:

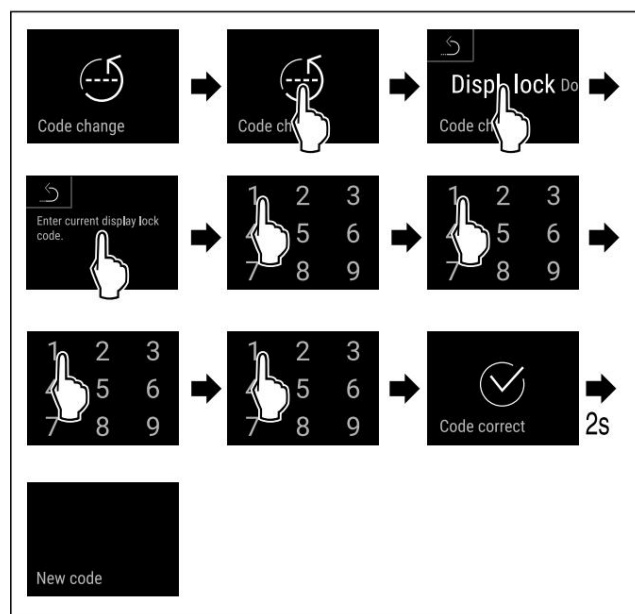
- Nhập mã cũ
- Nhập mã mới
- Xác nhận mã mới

Lưu ý u

Trong ví dụ sau, mã cài đặt sẵn của nhà máy 1 1 1 1 đã được thay đổi. u Mã mới là: 2 3 4 5



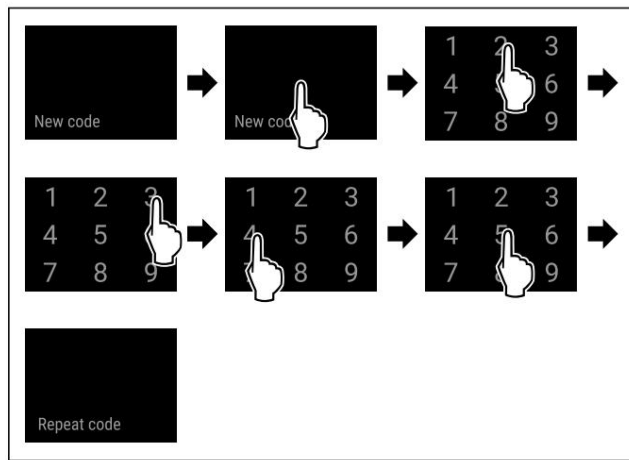
Hình 74



Hình 75

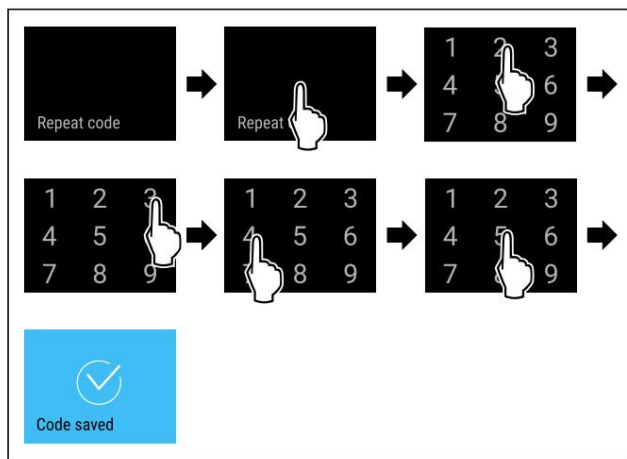
u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Nhập mã cũ thành công.

# Hoạt động



Hình 76

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Mã mới đã được nhập thành công.



Hình 77

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Xác nhận mã mới thành công. Mã đã được thay đổi.

Đặt lại mã khóa màn hình Mã bị quên hoặc

không xác định. u Khôi phục cài đặt gốc cho thiết bị. (xem 7.2.21 Khôi phục cài đặt gốc) w Thiết bị được khôi phục cài đặt gốc

cài lại. w Mã

mặc định của nhà máy là: 1 1 1 1



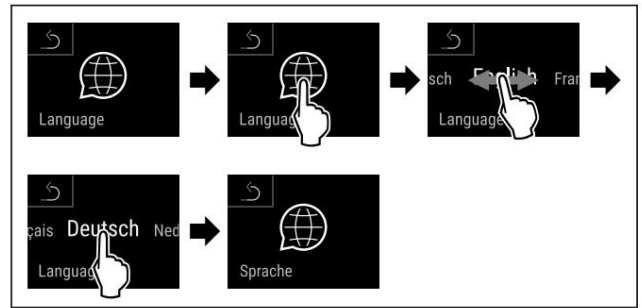
## 7.2.16 Ngôn ngữ

Thiết lập này xác định ngôn ngữ hiển thị.

Thiết lập ngôn ngữ



Hình 78



Hình 79

Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Ngôn ngữ đã chọn đã được thiết lập.



## 7.2.17 Thông tin thiết bị

Chức năng này hiển thị tên model, chỉ mục, số sê-ri và số dịch vụ của thiết bị. Bạn sẽ cần thông tin về thiết bị khi liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Chức năng này cũng mở Menu Nâng cao. (xem 3 Cách thức hoạt động của Màn hình cảm ứng và vuốt)

Hiển thị thông tin thiết bị



Hình 80



Hình 81

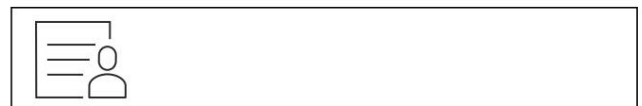
Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Màn hình hiển thị thông tin thiết bị.



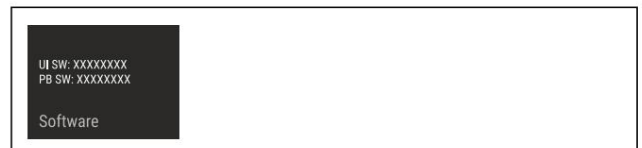
## 7.2.18 Phần mềm

Chức năng này cho phép bạn xem phiên bản phần mềm của thiết bị.

Hiển thị phiên bản phần mềm



Hình 82



Hình 83

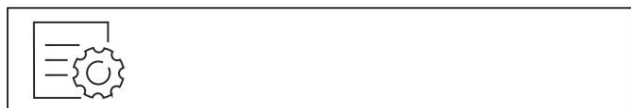
Thực hiện các bước như trong hình minh họa. Màn hình hiển thị phiên bản phần mềm.



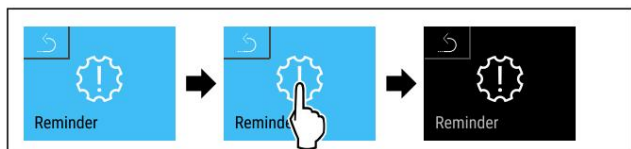
### 7.2.19 Nhắc nhở

Sử dụng chức năng này để kích hoạt hoặc hủy kích hoạt lời nhắc thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir.

#### Tắt nhắc nhở



Hình 84



Hình 85

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Chức năng nhắc nhở đã bị tắt.

#### Kích hoạt lời nhắc



Hình 86



Hình 87

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Nhắc nhở được kích hoạt.



### 7.2.20 Chế độ demo

Chế độ demo là tính năng đặc biệt dành cho các đại lý muốn trình diễn các chức năng của thiết bị. Nếu bạn kích hoạt chế độ demo, tất cả các chức năng làm lạnh sẽ bị vô hiệu hóa.

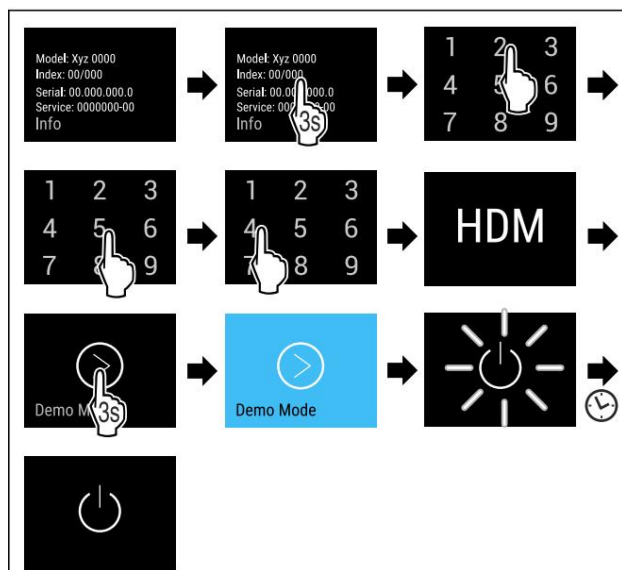
Nếu bạn bật thiết bị và chữ "D" xuất hiện trên màn hình trạng thái thì chế độ demo đã được kích hoạt.

Nếu bạn kích hoạt chế độ demo rồi tắt đi, thiết bị sẽ được khôi phục cài đặt gốc. (xem 7.2.21 Khôi phục cài đặt gốc)

#### Kích hoạt chế độ demo



Hình 88



Hình 89

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Chế độ Demo được kích hoạt. w Thiết bị

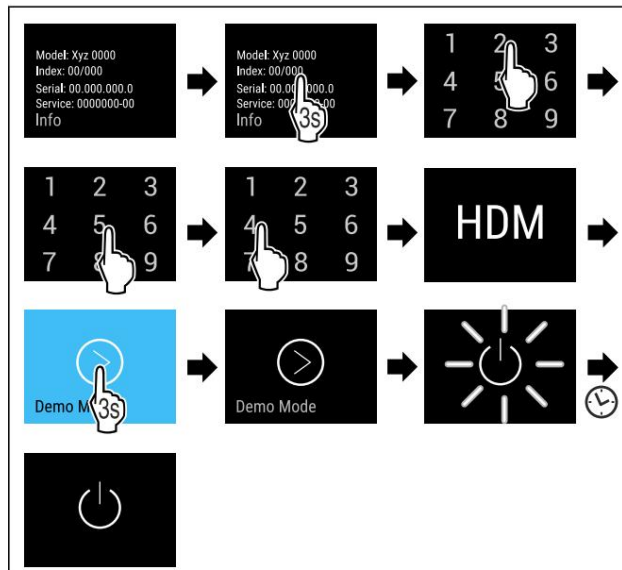
đã tắt. u Bật thiết bị. (xem

4.1 Bật thiết bị (sử dụng lần đầu)) w "D" xuất hiện trên màn hình hiển thị trạng thái.

#### Tắt chế độ demo



Hình 90



Hình 91

u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Chế độ Demo đã bị vô hiệu hóa. w Thiết

bị đã tắt. u Bật thiết bị.

(xem 4.1 Bật thiết bị (sử dụng lần đầu)) w Thiết bị được khôi phục cài đặt gốc.

7.2.21 Khôi phục cài đặt gốc

phổ

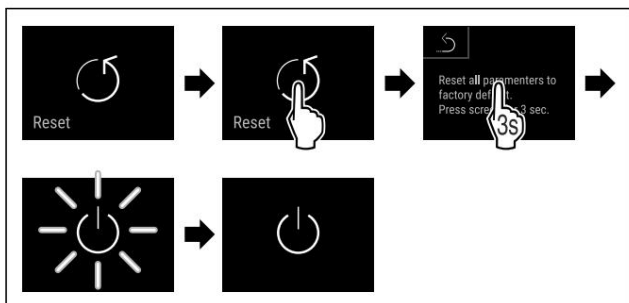


Sử dụng chức năng này để khôi phục tất cả cài đặt về mặc định của nhà sản xuất. Tất cả các thiết lập bạn đã thực hiện cho đến nay sẽ được khôi phục về cài đặt gốc.

Thực hiện thiết lập lại



Hình 92



Hình 93




u Thực hiện các bước như trong hình minh họa. w Thiết bị đã được thiết lập lại. w Thiết bị đã tắt. u Khởi động lại thiết bị. (xem 4.1 Bật thiết bị (sử dụng lần đầu))

**7.3 Tin nhắn**

7.3.1 Cảnh báo



Cảnh báo được biểu thị bằng âm thanh thông qua tín hiệu âm thanh và bằng biểu tượng trên màn hình. Âm thanh tín hiệu sẽ mạnh hơn và to hơn cho đến khi tin nhắn được xác nhận.

Tin nhắn (màu đỏ)	Gây ra	Loại bỏ
 Cửa mở	Thông báo sẽ xuất hiện khi cửa mở quá lâu.	Đóng cửa lại. Nhấn nhanh. Báo thức đã dừng. Để ý Có thể thiết lập thời gian cho đến khi tin nhắn xuất hiện. (xem 7.2.10 Báo động cửa)
 Báo động nhiệt độ	Thông báo sẽ xuất hiện nếu nhiệt độ không tương ứng với nhiệt độ đã cài đặt. Nguyên nhân gây ra sự chênh lệch nhiệt độ có thể là:  Hàng hóa đông lạnh ẩm ướt đặt vào. Khi phân loại lại và lấy thực phẩm ra, có quá nhiều luồng khí ẩm tràn vào.  Mất điện đã lâu.	Nhấn nhanh. Thông tin về lỗi và trạng thái thiết bị được hiển thị.  Nhấn nhanh. Hiển thị nhiệt độ ẩm nhất/lạnh nhất, ngày tháng và thời gian. Nhấn nhanh. Màn hình trạng thái được hiển thị. Nhiệt độ hiện tại và biểu tượng báo động sẽ nhấp nháy màu đỏ cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt.  Kiểm tra chất lượng hàng hóa đông lạnh.
 Sai lầm	Thiết bị bị lỗi, có lỗi thiết bị hoặc một thành phần của thiết bị bị lỗi.	Di chuyển hàng hóa đông lạnh. Nhấn nhanh. Mã lỗi (ví dụ: BT021) được hiển thị.  Nhấn nhanh. Nếu có, một mã lỗi khác sẽ được hiển thị hoặc  Màn hình trạng thái có biểu tượng lỗi nhấp nháy được hiển thị.  Vuốt hoặc chạm vào màn hình sẽ hiển thị lại mã lỗi.  Lưu ý mã lỗi và liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)

Tin nhắn (màu đỏ)	Gây ra	Loại bỏ Tin
 <p>mất điện</p>	nhấn sẽ xuất hiện sau một lần chạm ngắn. gián đoạn cung cấp điện.	<p>Mức pin, thông tin lỗi và trạng thái thiết bị được hiển thị. Nhấn nhẹ.</p> <p>Nhiệt độ cao nhất và thời gian mất điện sẽ được hiển thị.</p> <p>Nhấn nhanh.</p> <p>Màn hình trạng thái được hiển thị.</p> <p>Nhiệt độ hiện tại và biểu tượng báo động sẽ nhấp nháy màu đỏ cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt.</p> <p>Kiểm tra chất lượng hàng hóa đông lạnh.</p>
 <p>Lỗi Wi-Fi</p>	Kết nối WLAN bị gián đoạn.	<p>Kiểm tra kết nối.</p> <p>Nhấn nhanh.</p> <p>Báo thức đã dừng.</p>
 <p>Lỗi WWW WLAN</p>	Thông báo sẽ xuất hiện nếu không có kết nối Internet mạng qua WLAN.	<p>Kiểm tra kết nối. kết nối</p> <p>Nhấn nhanh.</p> <p>Báo thức đã dừng.</p>

### 7.3.2 Nhắc nhở

Lời nhắc sẽ xuất hiện khi bạn được nhắc làm điều gì đó. Chúng được biểu thị bằng âm thanh thông qua tín hiệu âm thanh và bằng biểu tượng trên màn hình. Xác nhận tin nhắn bằng cách nhấn nút xác nhận.

Tin nhắn (màu vàng)	Gây ra	Loại bỏ
 <p>Mở thủ công</p>	Thông báo này xuất hiện khi cửa khóa điện tử được mở bằng tay.	<p>Đóng cửa lại.</p> <p>Nhấn nhanh.</p> <p>Nhập mã cửa để khóa lại.</p> <p>Lời nhắc nhở đã kết thúc.</p>
 <p>Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir</p>	Báo cáo này xuất hiện 6 tháng một lần.	<p>Thay bộ lọc than hoạt tính của FreshAir.</p> <p>Nhấn nhanh.</p> <p>Lời nhắc nhở đã kết thúc.</p>

## 8 Thiết bị

### 8.1 Khóa an toàn

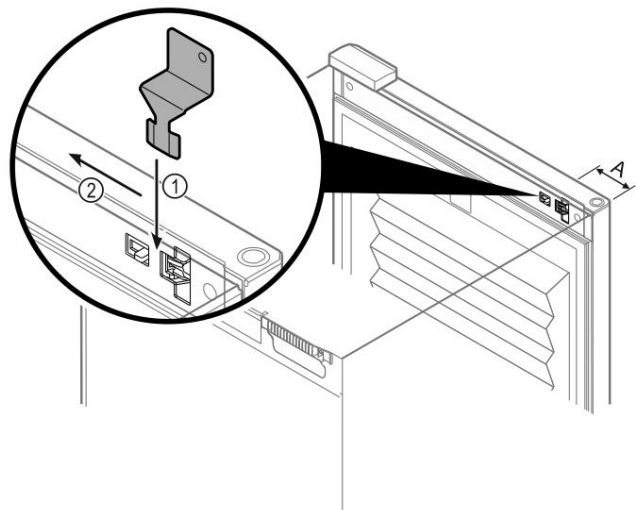
Thiết bị được trang bị khóa điện tử.

Các chức năng có thể có:

- Khóa và mở khóa cửa bằng cửa Mã số.

#### 8.1.1 Ghi chú mục nhập

Trong trường hợp mất điện, bạn có thể mở cửa bằng chìa khóa khẩn cấp.



Hình 94

## thiết bị

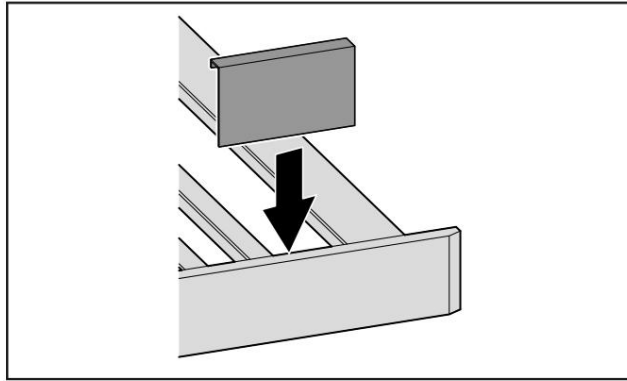
u Đặt chìa khóa giải phóng khẩn cấp vào vị trí đã chỉ định Hình 94 (A)  $\approx 100$  mm. u Chèn chìa khóa giải phóng khẩn cấp Hình 94 (1) vào giữa cửa và thân thiết bị từ phía trên cho đến khi nó dừng lại. u Kéo chìa khóa giải phóng khẩn cấp về phía bản lề.

Hình 94 (2)

w Khóa đã được mở khóa. Bạn có thể mở cửa.

## 8.2 Nhãn

Bạn có thể mua nhãn làm phụ kiện từ đại lý chuyên nghiệp. Bạn có thể sử dụng nó để ghi chú các loại tư cụ được lưu trữ trong từng ngăn.

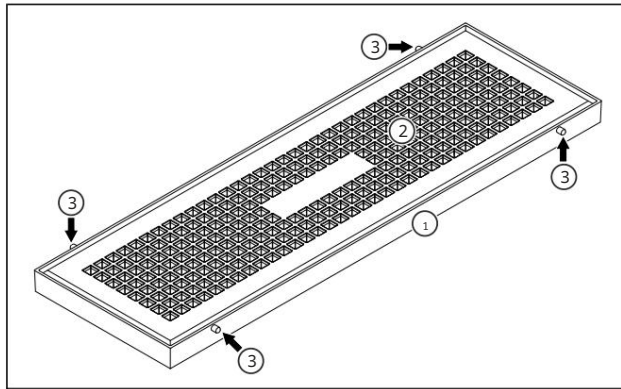


Hình 95

u Dán nhãn từ phía trên.

## 8.3 Hộp đựng nước

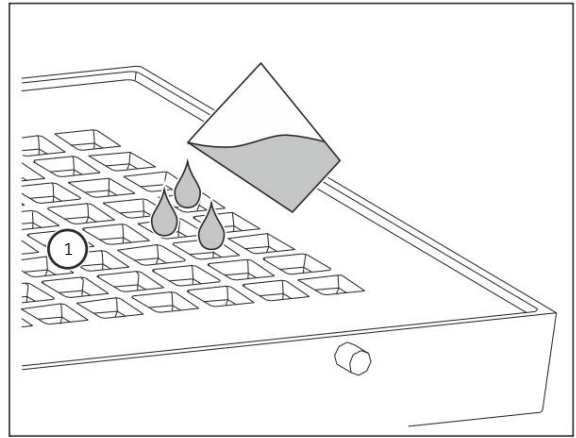
Bạn có thể tăng độ ẩm trong máy làm tư cụ bằng cách sử dụng hộp đựng nước.



Hình 96 Ví dụ về hộp đựng nước (1) Bát đựng nước (3) Chốt (2) Nắp

### 8.3.1 Đổ đầy nước vào hộp đựng nước

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Hộp đựng nước đã được tháo ra. (xem 8.3.3 Tháo hộp đựng nước) q Hộp đựng nước nằm ngang.

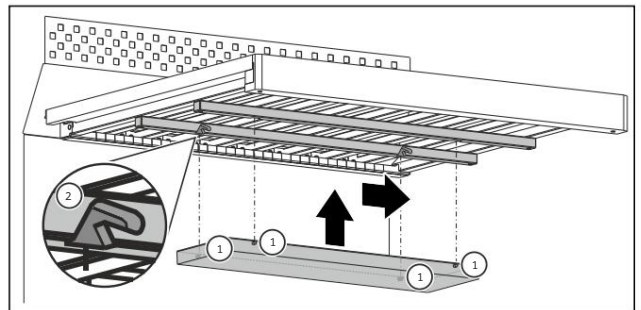


Hình 97

u Đổ tối đa 400 ml nước qua các lỗ Hình 97 (1) trong Đậy nắp lại.

### 8.3.2 Lắp hộp nước

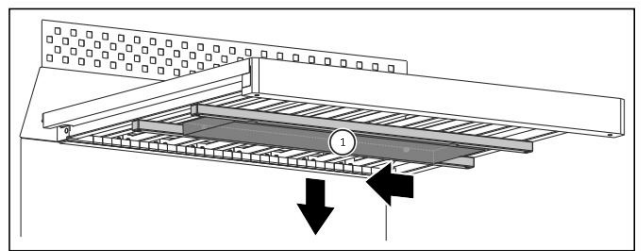
Bạn có thể đặt hộp đựng nước trên giá gỗ ở khu vực đựng tư cụ thấp nhất.



Hình 98 Ví dụ minh họa

u Lắp từng mảnh Hình 98 (1) vào rãnh tư ứng Hình 98 (2) trên các thanh gỗ bên dưới vị trí gỗ. u Trượt hộp nước sang bên phải. u Kiểm tra xem hộp đựng nước có nằm ngang không và các chốt có nằm đúng vị trí không.

### 8.3.3 Tháo hộp đựng nước



Hình 99

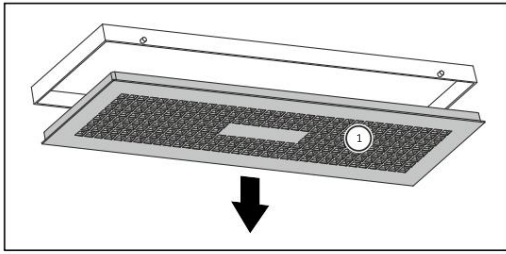
u Đẩy hộp nước Hình 99 (1) sang bên trái. u Tháo hộp đựng nước Hình 99 (1) xuống dưới.

### 8.3.4 Tháo rời hộp đựng nước

Bạn có thể tháo rời hộp đựng nước để vệ sinh.

Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu sau: q Hộp đựng nước đã được tháo ra. (xem 8.3.3 Tháo hộp đựng nước) q Hộp đựng nước hoàn toàn trống rỗng.





Hình 100

u Tũ từ xoay hộp nước xuống dư ới trong khi giữ nắp Hình 100 (1) . u Tháo nắp Hình 100 (1) .

## 9 Bảo trì

### 9.1 Trao đổi không khí qua bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Rũ ợu vang liên tục thay đổi tùy thuộc vào điều kiện môi trũ ởng; Do đó, chất lũ ợng không khí rất quan trọng cho việc bảo tồn.

Bộ lọc than hoạt tính FreshAir đảm bảo chất lũ ợng không khí tối ấ u. q Thay

bộ lọc than hoạt tính sau mỗi 6 tháng. q Vứt

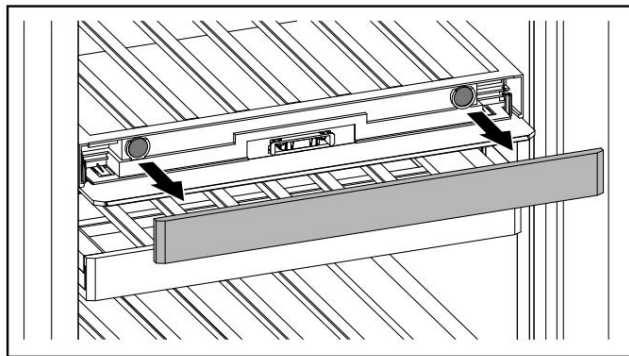
bỏ bộ lọc than hoạt tính cùng với rác thải sinh hoạt thông thũ ởng.

Lũ u ý:

Bạn có thể mua bộ lọc than hoạt tính FreshAir tại cửa hàng đồ gia dụng Liebherr tại [home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html](http://home.liebherr.com/shop/de/deu/zubehor.html) .

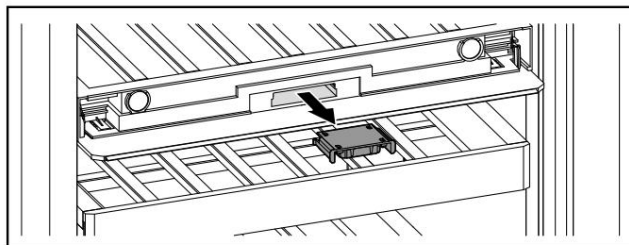
#### 9.1.1 Thay bộ lọc than hoạt tính FreshAir

Tùy thuộc vào thiết bị, việc này có thể phải thực hiện nhiều lần.



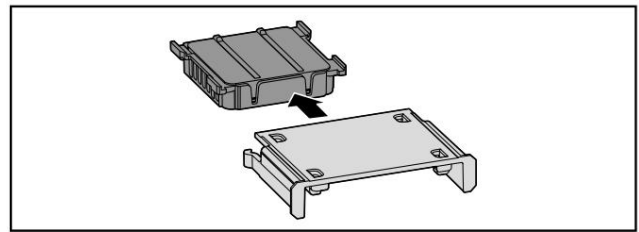
Hình 101

u Tháo nắp.



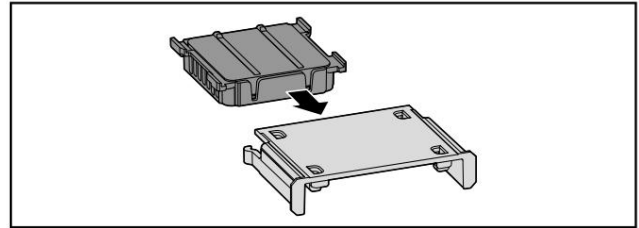
Hình 102

u Kéo ngăn kéo ra.



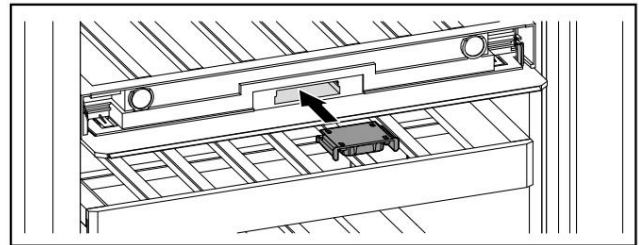
Hình 103

u Tháo bộ lọc.



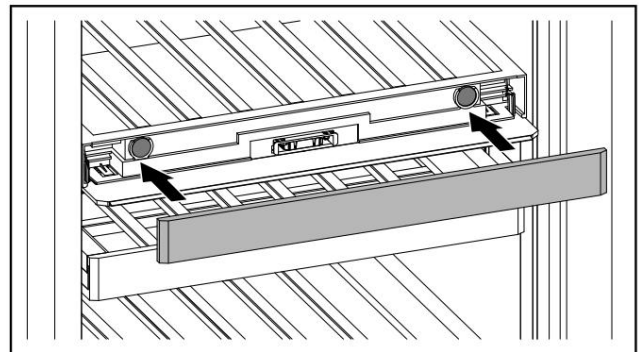
Hình 104

u Lắp bộ lọc mới.



Hình 105

u Đẩy ngăn kéo vào.



Hình 106

u Gắn nắp lại.

### 9.2 Vệ sinh thiết bị

#### 9.2.1 Chuẩn bị



**CẢNH BÁO** Có

nguy cơ bị điện giật! u Rút phích cắm tủ lạnh hoặc tắt nguồn điện ngắt.



**CẢNH BÁO**

Không gây cháy nổ và không làm hỏng mạch làm lạnh.

u Làm trống thiết bị. u Rút dây nguồn.

## Hỗ trợ khách hàng

## 9.2.2 Vệ sinh vỏ máy

## LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử

dụng khăn lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà xư ớc hoặc

Sử dụng bụi nhùi thép. u

Không sử dụng chất mài mòn, thô ráp, cát, clozua hoặc gốc axit

Sử dụng các sản phẩm làm sạch có chứa



CẢNH BÁO

Nguy cơ chấn thương và hư hại do hơi i nư ớc nóng!

Hơi i nư ớc nóng có thể gây bỏng và làm hỏng bề mặt. u Không sử dụng thiết bị vệ sinh bằng hơi i nư ớc!

u Lau vỏ máy bằng vải mềm, sạch.

Đối với vết bẩn nặng, hãy sử dụng nư ớc ấm với chất tẩy rửa trung tính. Bề mặt kính cũng có thể đư ợc vệ sinh bằng nư ớc rửa kính.

## 9.2.3 Vệ sinh bên trong

## LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử

dụng khăn lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà xư ớc hoặc

Sử dụng bụi nhùi thép.

u Không sử dụng chất mài mòn, thô ráp, cát, clozua hoặc gốc axit

Sử dụng các sản phẩm làm sạch có chứa

u Bề mặt nhựa: vệ sinh bằng tay với khăn mềm, sạch, nư ớc ấm và một ít nư ớc rửa chén.

u Bề mặt kim loại: vệ sinh bằng tay với khăn mềm, sạch, nư ớc ấm và một ít nư ớc rửa chén.

## 9.2.4 Thiết bị vệ sinh

## LƯU Ý Vệ

sinh không đúng cách!

Thiết bị bị hư hỏng. u Chỉ sử

dụng khăn lau mềm và chất tẩy rửa đa năng có độ pH trung tính. u Không sử dụng miếng bọt biển mài mòn hoặc trà xư ớc hoặc

Sử dụng bụi nhùi thép.

u Không sử dụng chất mài mòn, thô ráp, cát, clozua hoặc gốc axit

Sử dụng các sản phẩm làm sạch có chứa

Vệ sinh bằng vải khô không xơ : - Vệ sinh giá đỡ bình và thiết bị.

## 9.2.5 Sau khi vệ sinh , hãy lau khô

thiết bị và các bộ phận của thiết bị. u Kết nối thiết bị và bật nguồn. u Lặp lại việc vệ

sinh thứ ờng xuyên.

## 10 Hỗ trợ khách hàng

## 10.1 Dữ liệu kỹ thuật

Tải trọng tối đa của thiết bị		
thiết bị	Chiều rộng thiết bị 600 mm (xem Montage-anweisung, Kích thước thiết bị)	Chiều rộng thiết bị mm 750 (xem hướng dẫn lắp ráp, Kích thước thiết bị)
giá để chai	60kg	60kg

chiếu sáng	
Hiệu suất năng lượng lớp 1	nguồn sáng
Sản phẩm này chứa một hoặc nhiều nguồn sáng có hiệu suất năng lượng loại G.	ĐIỀU KIỆN

1 Thiết bị có thể chứa các nguồn sáng có mức hiệu suất năng lượng khác nhau. Lớp hiệu suất năng lượng thấp nhất đư ợc chỉ định.

Đối với thiết bị có kết nối Wi-Fi:

Thông tin tần số	
Dải tần số	2,4 GHz
Công suất bức xạ tối đa	< 100 mW
Mục đích sử dụng thiết bị vô tuyến	Tích hợp vào WLAN cục bộ Mạng truyền thông dữ liệu

## 10.2 Tiếng ồn khi vận hành

Thiết bị phát ra những tiếng động khác nhau trong quá trình hoạt động.

- Ở công suất làm lạnh thấp, thiết bị hoạt động theo cách tiết kiệm điện năng nhưng trong thời gian dài hơn n. Âm lượng thấp hơn n.
- Với hiệu suất làm lạnh mạnh mẽ, thực phẩm đư ợc làm lạnh nhanh hơn n làm mát. Âm lượng cao hơn n.

Ví dụ: •

- chức năng đư ợc kích hoạt (xem 7.2 Chức năng của thiết bị) • quạt đang chạy • thực phẩm mới đặt • nhiệt độ môi trường cao • cửa mở trong thời gian dài

tiếng ồn	Nguyên nhân có thể gây	ra loại tiếng ồn
bong bóng đang chà xát	Và Chất làm lạnh chảy trong mạch làm lạnh.	tiếng ồn làm việc bình thường
Fauchen rít lên	Và Chất làm lạnh đư ợc phun vào mạch làm lạnh.	tiếng ồn làm việc bình thường
Đề gắm lên	Thiết bị đang nguội đi. Mức độ tiếng ồn phụ thuộc vào hiệu suất làm mát.	tiếng ồn làm việc bình thường

tiếng ồn	Nguyên nhân có thể gây	ra loại tiếng ồn
Tiếng kêu lách tách Cửa có	cơ chế đóng êm đượ mở ra và đóng lại.	tiếng ồn làm việc bình thường
tiếng vo ve Cây bắc	Và Nó Máy thờ đang chạy.	Bình thường Tiếng ồn khi vận hành
Nhấp chuột	Các thành phần đượ bật và tắt.	tiếng ồn chuyển mạch bình thường
Tiếng lách cách Tổng số	hoặc Van hoặc nắp đang hoạt động.	tiếng ồn chuyển mạch bình thường

tiếng ồn	Khả thi Gây ra	Loại tiếng ồn Sửa chữa
Rung động	không phù hợp Sự thi công	Sai lầm- tiếng ồn Căn chỉnh thiết bị theo chiều ngang bằng cách sử dụng chân có thể điều chỉnh.
kêu lách cách	Thiết bị, Các đối tượng trong thiết bị không gian nội thất	Sai lầm- tiếng ồn Sửa chữa phụ kiện.  Chừa khoảng cách giữa các vật thể.

## 10.3 Sự cố kỹ thuật

Thiết bị của bạn đượ thiết kế và sản xuất để đảm bảo độ tin cậy khi sử dụng và tuổi thọ lâu dài. Nếu xảy ra lỗi trong quá trình vận hành, vui lòng kiểm tra xem lỗi đó có phải do lỗi vận hành hay không. Trong trường hợp này, bạn sẽ phải trả bất kỳ chi phí nào phát sinh trong thời gian bảo hành.

Bạn có thể tự mình khắc phục những vấn đề sau.

### 10.3.1 Chức năng thiết bị

Sai lầm	Gây ra	Loại bỏ
Thiết bị không hoạt động.	Thiết bị chưa đượ bật. u Bật thiết bị.	
	Phích cắm điện không đượ cắm đúng cách vào ổ cắm.	u Kiểm tra phích cắm điện.
	Cầu chì ổ cắm bị đứt. Kiểm tra cầu chì. không ổn.	
	Mất điện	u Giữ thiết bị đóng lại. u Kiểm tra ổ
	Ổ cắm điện không đượ cắm đúng cách vào thiết bị.	cắm điện.
Nhiệt độ không đủ lạnh.	Cửa thiết bị không đượ đóng đúng cách. Nhiệt độ môi trường	u Đóng cửa thiết bị.
	quá cao.	u Xử lý sự cố: (xem 1.4 Ứng dụng của thiết bị)
	Thiết bị đượ mở quá thường xuyên hoặc quá lâu.	u Chờ cho đến khi nhiệt độ cần thiết trở lại bình thường. Nếu không, hãy liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng)
	Nhiệt độ đượ cài đặt không chính xác.	u Đặt nhiệt độ lạnh hơn và sau 24 giờ điều khiển.
	Thiết bị quá gần nguồn nhiệt (bếp, lò sưởi, v.v.).	u Thay đổi vị trí của thiết bị hoặc nguồn nhiệt.
Gioăng cửa bị lỗi hoặc cần thay thế vì lý do khác.	Gioăng cửa có thể thay thế đượ. Có thể thay đổi mà không cần bất kỳ công cụ bổ sung nào.	u Liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng phó)
Thiết bị bị đóng băng hoặc	Gioăng cửa có thể đã trượt ra khỏi rãnh và gioăng cửa có thể đã trượt vào đúng vị trí trong rãnh.	kiểm tra.

## Tháo dỡ

Sai lầm	Gây ra	Loại bỏ
dạng ngưng tụ.		
Thiết bị ẩm ở bên ngoài*.	Nhiệt từ mạch làm lạnh được sử dụng để ngăn ngừa sự ngưng tụ.	u Đây là điều bình thường.

### 10.3.2 Thiết bị

Sai lầm	Gây ra	Loại bỏ
Khuôn trên chai rượu	Từ ngưng tụ như các phương pháp lưu trữ khác, nấm mốc có thể phát triển nhẹ tùy thuộc vào loại keo dán nhãn.	u Loại bỏ hết các chất dính còn sót lại.
Đèn chiếu sáng bên trong không sáng.	Thiết bị chưa được bật. u Bật thiết bị. Cửa đã mở hơn 15 phút.	u Đèn chiếu sáng bên trong bật khi cửa mở khoảng 15 phút. tự động.
	Đèn LED bị lỗi hoặc nắp đèn bị hỏng.	u Liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng. (xem 10.4 Dịch vụ khách hàng pho)

### 10.4 Dịch vụ khách hàng

Trước tiên, hãy kiểm tra xem bạn có thể tự khắc phục sự cố hay không (xem mục 10 Hỗ trợ khách hàng). Nếu không phải như vậy, vui lòng liên hệ với bộ phận chăm sóc khách hàng.

Bạn có thể tìm địa chỉ trong tờ rơi "Dịch vụ Liebherr" kèm theo hoặc tại [home.liebherr.com/service](http://home.liebherr.com/service).



CẢNH BÁO Sửa

chữa không chuyên nghiệp!

Chân ngưng tụ.

Việc sửa chữa và can thiệp vào thiết bị và cấp nguồn không được đề cập rõ ràng (xem phần 9 Bảo trì) chỉ được thực hiện bởi bộ phận dịch vụ khách hàng.

u Cấp nguồn bị hỏng chỉ có thể được thay thế bởi nhà sản xuất, bộ phận dịch vụ khách hàng hoặc người có trình độ tư vấn ngưng tụ. u Đối với các thiết bị có phích cắm thiết bị lạnh, việc thay

đổi từ

khách hàng.

#### 10.4.1 Liên hệ với dịch vụ khách hàng

Đảm bảo rằng thông tin thiết bị sau đây có sẵn: q Tên thiết bị (kiểu máy và chi mục) q

Số dịch vụ. (Dịch vụ) q Số sê-ri (S-No.) u Truy xuất

thông tin thiết bị thông qua

màn hình hiển thị. -hoặc-

u Tham khảo nhãn loại thiết bị để biết thông tin. (xem 10.5 Biểu chữ)

u Ghi chú thông tin thiết bị. u Thông

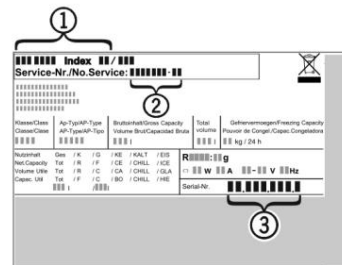
báo cho bộ phận chăm sóc khách hàng: Lỗi và thông tin thiết bị cung cấp thông tin.

w Điều này cho phép một cách nhanh chóng và có mục tiêu Dịch vụ.

u Thực hiện theo hướng dẫn tiếp theo từ bộ phận chăm sóc khách hàng.

### 10.5 Biểu tên

Tám chữ nằm ở góc dưới bên trái bên trong thiết bị.



Hình 107

(1) Ký hiệu thiết bị (2) Số dịch vụ u Đoc

thông tin từ tám chữ.

(3) Số sê-ri.

## 11 Tháo dỡ

u Làm trống thiết

bị. u Tắt thiết bị. (xem 7.2.2 Bật và tắt thiết bị) u Rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm. u Nếu

cần, hãy tháo ổ cắm IEC: Rút ổ cắm IEC ra khỏi phích

cắm của thiết bị và đồng thời di chuyển sang trái và phải. u Vệ sinh thiết bị. (xem 9.2 Vệ sinh thiết bị) u Để cửa mở để tránh mùi hôi

nảy sinh.

## 12 Xử lý

### 12.1 Chuẩn bị thiết bị để xử lý



Liebherr sử dụng pin trong một số thiết bị. Vì lý do môi trường, các nhà lập pháp EU đã yêu cầu người dùng phải tháo bỏ những loại pin này trước khi vứt bỏ các thiết bị cũ. Nếu thiết bị của bạn có pin, sẽ có thông báo tương ứng được đính kèm vào thiết bị.

Đèn Nếu bạn có thể tự tháo đèn mà không gây hư hỏng, vui lòng tháo đèn trước khi vứt bỏ.

u Ngừng hoạt động thiết bị. u Nếu có thể: Tháo đèn mà không làm hỏng chúng.

### 12.2 Xử lý thiết bị theo cách thân thiện với môi trường



Thiết bị này vẫn chứa các vật liệu có giá trị và phải được thu gom riêng với rác thải đô thị chưa phân loại.



Vứt bỏ pin riêng với các thiết bị cũ. Bạn có thể trả lại pin miễn phí cho các nhà bán lẻ và trung tâm tái chế.

Đèn Xử lý đèn đã tháo bỏ thông qua hệ thống thu gom có liên quan.

Đối với Đức: Bạn có thể vứt bỏ thiết bị miễn phí tại trung tâm tái chế địa phương bằng cách sử dụng thùng thu gom Loại 1. Khi mua tủ lạnh/tủ đông mới và diện tích bán hàng > 400 m<sup>2</sup>, nhà bán lẻ cũng sẽ lấy lại thiết bị cũ miễn phí.



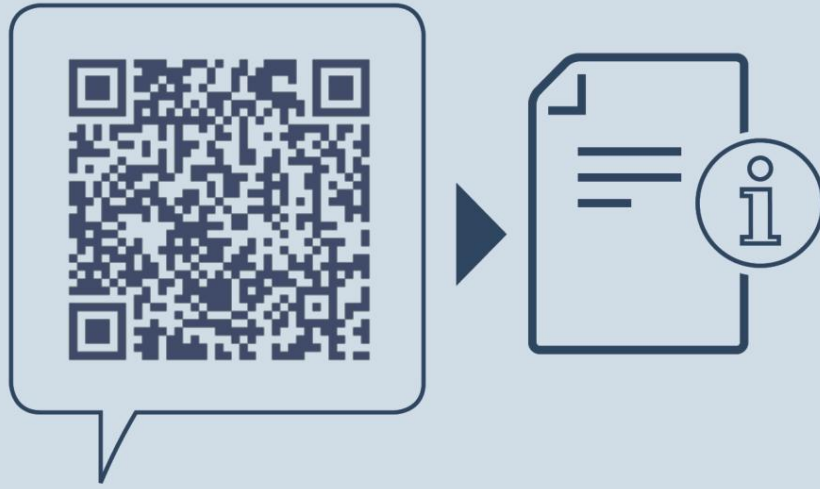
**CẢNH BÁO** Rò rỉ chất làm lạnh và dầu!

Ngọn lửa. Chất làm lạnh bên trong thân thiện với môi trường nhưng dễ cháy. Dầu chứa trong đó cũng dễ cháy.

Chất làm lạnh và dầu thoát ra có thể, nếu thích hợp, nồng độ đủ cao và tiếp xúc với nguồn nhiệt bên ngoài. u Không làm hỏng đường ống mạch làm lạnh và máy nén.

u Tuân thủ hướng dẫn vận chuyển thiết bị. u Vận chuyển thiết bị mà không làm hỏng. u Pin, đèn và thiết bị theo quy định trên

Xử lý theo đúng quy định.



[home.liebherr.com/fridge-manuals](http://home.liebherr.com/fridge-manuals)

**DE** Tủ làm mát rự ợu

Ngày phát hành: 20250304

Số bài viết. Chỉ mục: 7083544-00

Liebherr-Hausgeräte Marica E00D

Plovdiv là một thành phố

4202 Radinovo

Bungari